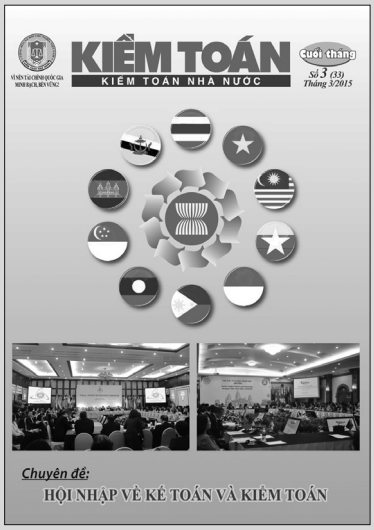

TỔNG BIÊN TẬP
Nguyễn Thắng
ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Đỗ Hồng Công

TRỤ SỞ
68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: kiemtoancuoithang@sav.gov.vn
ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN
Báo Kiểm toán 2601 0000 056239
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN
Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI
Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

KIỂM TOÁN cuối tháng
Số 33 - Tháng 3/2015

MỤC LỤC

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Lê	Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	2

TRÒ CHUYỆN ĐẦU XUÂN

Vương Đình Huệ	Đón đợi nguồn lực mới từ những thay đổi chính sách về giá, phí	4

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Cao Sĩ Kiêm	Doanh nghiệp cần sự ổn định của chính sách để phát triển	6
Đặng Hùng Võ	Chính sách tăng giá đất của Chính phủ sẽ tác động như thế nào lên thị trường bất động sản?	8
Đặng Kim Sơn	Đã đến lúc ngành nông nghiệp không thể phát triển theo mô hình cũ	10
Hồng Nhung	Tiền lương tối thiểu và mức sống tối thiểu: Cuộc "rượt đuổi" chưa có hồi kết?	12

CHUYÊN ĐỀ: HỘI NHẬP VỀ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Đặng Văn Thanh	Thời cơ và thách thức của kế toán, kiểm toán Việt Nam khi hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN	15
Phạm Chi Lan	Ngành kế toán, kiểm toán: Mở cửa để đón người tài và đồng thời vươn ra thế giới	18
Nguyễn Đình Hựu	Suy ngẫm về thị trường kế toán và kiểm toán cộng đồng ASEAN	20
Ian Lydall	Cần có chiến lược giữ chân người tài khi tham gia hội nhập kinh tế	21
* * *	Hội nhập kế toán, kiểm toán dưới góc nhìn của các Chuyên gia Ngân hàng Thế giới	23

TRAO ĐỔI

Lê Thị Tuyết Nhung	Vài nét về việc áp dụng phương pháp kiểm toán hoạt động trong các đơn vị tài chính công tại Việt Nam	24
Lê Minh Nam	Tăng cường kiểm toán hoạt động nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế và kiến nghị xử lý hành vi quản lý, sử dụng lãng phí nguồn lực công tại các đơn vị được kiểm toán	27
Trần Phương Thùy	Bàn thêm về đánh giá tính hiệu quả của quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước do KTNN thực hiện	32

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Thùy Lê	Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Nỗ lực cải thiện và nâng cao chất lượng	36

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Ngọc Quỳnh	Quan điểm và xu hướng của kiểm toán nội bộ trong năm 2015	39

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	40

Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

THS. TRẦN THỊ LÊ
Học viện kỹ thuật quân sự - Bộ Quốc phòng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, chăm lo đến việc giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Người khẳng định: Đạo đức là gốc của người cách mạng; đạo đức có vai trò quyết định đến thành công hay thất bại trong công việc của người cán bộ, đảng viên, giúp con người vững vàng trong mọi thử thách. Bác Hồ viết: "Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ", "cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn, không có gốc thì cây héo. Người làm cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì" . Đảng ta kể từ khi ra đời cho tới nay, trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành đã luôn coi trọng và thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, luôn coi đây là vấn đề then chốt trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh xứng đáng là tổ chức duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sức mạnh của Đảng thể hiện qua sức mạnh của đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, làm gương cho quần chúng noi theo. Khi các tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, từng cán bộ, đảng viên có đủ đức và tài sẽ làm Đảng mạnh, ngược lại, những hạn chế, yếu kém của cơ sở Đảng, của cán bộ, đảng viên sẽ làm suy yếu Đảng. Trong các kỳ Đại hội của Đảng, Đảng ta đều đã nhấn mạnh tới sự cần thiết và giá trị nhân văn sâu sắc của việc bồi dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đồng thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Rõ ràng là, người cán bộ, đảng viên cần phải có đạo đức cách mạng, lối sống giản dị, lành mạnh. Có đạo đức cách mạng, sẽ giúp cho người cán bộ, đảng viên có uy tín, có điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ và góp phần vào sự trưởng thành, lớn mạnh của Đảng ta; mới "đem hết sức mình,

toàn tâm toàn ý phục vụ Tổ quốc và dân tộc, phục vụ nhân dân". Nhìn vào thực trạng đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp của Đảng, Nhà nước hiện nay, khách quan mà nói cần thấy rằng, những năm vừa qua, cũng như hiện nay, bên cạnh đa số cán bộ, đảng viên các cấp của Đảng luôn ra sức học tập, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu để không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị, đạo đức, lối sống cách mạng, năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên do không chịu tu dưỡng, rèn luyện, đã để chủ nghĩa cá nhân lấn át, nhiều người trong số họ đã có biểu hiện: cơ hội, thực dụng, tự cao, tự đại, coi thường dân, vô cảm, cửa quyền, hách dịch, đục khoét và tham ô tài sản của Nhà nước và của nhân dân, từ đó dẫn đến "tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi" . Trong sự suy thoái về đạo đức, lối sống đó có không ít người là cán bộ, đảng viên; thậm chí có người là cán bộ có chức, có quyền, hoặc đang trực tiếp quản lý, nắm giữ tài sản lớn của Nhà nước. Có thể nói, tình trạng tham nhũng, suy thoái về đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay ở một số ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị là rất nghiêm trọng, là nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của Đảng, sự sống còn của chế độ ta. Những bị can, bị cáo nguyên là cán bộ, đảng viên trong những vụ án lớn ở nước ta vừa qua là những minh chứng hùng hồn cho thấy sự vi phạm đạo đức, lối sống một cách nghiêm trọng của một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta. Từ đó đã làm tổn hại đến uy danh và sức chiến đấu của Đảng, của chế độ, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, gây những trở lực không nhỏ làm ảnh hưởng xấu tới công cuộc đổi mới, tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng và nhân dân. Vì vậy, việc bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay là một việc làm cấp thiết, quan trọng. Để tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao hơn nữa đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, trước mắt và chủ yếu cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, lãnh đạo các địa phương, ngành, cơ quan cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cách mạng cho cán bộ đảng viên. Trong đó cần phải hết sức coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng và tình hình nhiệm vụ cách mạng cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể các cấp theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng: "Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng" .

Hai là, các cấp lãnh đạo phải thường xuyên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt, cấp trên làm gương cho cấp dưới, cán bộ, đảng viên nêu gương cho quần chúng, nói và làm đi đôi với nhau; luôn bám sát thực tiễn cuộc sống, quan hệ mật thiết và gắn bó chặt chẽ với nhân dân lao động.

Ba là, chú trọng tới công tác thanh tra, kiểm tra; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời nêu gương người tốt việc tốt, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với những người có công trong phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, hoặc có biểu hiện sa đọa về đạo đức, lối sống, tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính.

Bốn là, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, hoàn thiện hệ thống phát luật, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của các cơ quan quyền lực từ Trung ương đến cơ sở. Đồng thời, mọi cán bộ, đảng viên phải luôn gắn bó với quần chúng, phải luôn xứng đáng là người lãnh đạo, đồng thời là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Thực hiện tốt những biện pháp nói trên là góp phần thiết thực vào việc bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là một biện pháp quan trọng cần thiết để tiếp tục nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ đảng viên ở nước ta hiện nay, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiến tới phục vụ thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.■

Đón đợi nguồn lực mới
từ những thay đổi chính sách về giá, phí

Trò chuyện với **GS.TS. Vương Đình Huệ**,
Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Thưa ông, diễn biến về giá cả luôn là vấn đề nhận được sự quan tâm lớn của người dân. Trong bối cảnh đất nước đang từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ông có thể cho biết Đảng và Nhà nước ta đã có quan điểm định hướng như thế nào đối với những chính sách nhạy cảm này?

Tại phiên họp ngày 12/9/2014, Bộ Chính trị đã ra Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó nêu rõ những quan điểm định hướng đối với vấn đề giá, phí. Cụ thể là:

"Hoàn thiện thể chế về giá, phí, về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế

đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá. Hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng".

Trong các định hướng này, bản thân tôi rất tâm đắc với hai vấn đề, đó là rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ và không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá.

Chẳng hạn, đối với giá điện, khoản dùng để trợ cấp cho đối tượng người nghèo, khó khăn là một khoản riêng, còn giá là theo yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường.

Thời gian qua, chúng ta cũng đã thực hiện việc chuyển một số phí sang giá, chẳng hạn, giá dịch vụ khám chữa bệnh (trước đây gọi là viện phí), đấy thực sự là cuộc cách mạng. Đã là giá thì nguyên tắc là phải tính đúng, tính đủ, từ chi phí vật tư, chi lương đến khấu hao… Còn chính sách đối với người nghèo lại phải có chính sách riêng.

Tương tự, học phí có lẽ cũng phải chuyển sang phương cách như thế. Hiện nay, chúng ta đã cho phép 5 trường là: Đại học Mở, Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng thí điểm chế độ tính học phí như giá dịch vụ đào tạo. Sắp tới, chúng ta sẽ tiến hành rà soát để hoàn thiện pháp luật về phí và lệ phí, chuyển đổi phí và lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Nếu chúng ta rà soát kỹ và làm được điều này thì sẽ tạo ra nguồn lực mới rất lớn cho đất nước.

Quan điểm của chúng ta là thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường, bảo đảm tính đúng, tính đủ, công khai minh bạch yếu tố hình thành giá đầu vào, không để cho các doanh nghiệp độc quyền, chỉ tăng đầu ra mà không kiểm soát được đầu vào của họ. Minh bạch giá đầu vào của hàng hóa dịch vụ công thiết yếu, đồng thời có chính sách hỗ trợ cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Việc kiểm soát giá đầu vào mà ông vừa nêu khiến tôi nghĩ đến biến động giá cả rất lớn đang diễn ra đối với lĩnh vực xăng dầu. Theo ông, cơn biến động này sẽ có tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

Theo quan điểm của tôi, giá dầu thế giới giảm mạnh trong thời gian qua có cả yếu tố kinh tế và yếu tố chính trị. Bên cạnh yếu tố chính trị là dùng dầu mỏ như một hàng hóa chiến lược để tạo sức ép, gây khó khăn thiệt hại cho nước Nga còn có yếu tố kinh tế. Chẳng hạn, tăng trưởng kinh tế tại một số nước tiêu thụ hàng hóa lớn, năng lượng lớn như Trung Quốc đang có biểu hiện chững lại, nhu cầu về tiêu hao năng lượng không còn như trước đây. Đa số các nền kinh tế khác đang phục hồi nhưng quá trình phục hồi chậm không đồng đều, do đó, nhu cầu về dầu cũng không căng thẳng như trước. Ngoài ra, hiện nay công nghệ mới trong khai thác khí đá phiến của Mỹ cũng đã sản xuất được lượng dầu rất lớn làm cho nhu cầu mua dầu ở Mỹ giảm đi. Khi giá dầu xuống thấp thì những nền kinh tế tiêu tốn nhiều nhiên liệu như Trung Quốc, Ấn Độ sẽ có lợi.

Việt Nam là nước vừa xuất khẩu vừa nhập khẩu dầu. Tỷ trọng xuất khẩu dầu thô trong cân đối ngân sách cũng rất lớn. Chúng ta xuất dầu thô và nhập dầu thương phẩm, cho nên việc giá dầu đi xuống sẽ không lợi hết cũng không thiệt hết, có mặt lợi, có mặt thiệt khi giá dầu lên cao cũng như khi xuống thấp. Đơn cử, năm 2014, khi giá xăng dầu giảm liên tiếp, tôi đi tiếp xúc cử tri ở Bình Định, Phú Yên thì thấy bà con ngư dân rất phấn khởi. Giá dầu giảm đã tiết kiệm được hàng triệu đồng một chuyến đi biển, giúp bà con tranh thủ khai thác ngư trường. Giá dầu giảm cũng tạo điều kiện cho người dân tăng nhu cầu chi tiêu, doanh nghiệp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Theo một số phân tích, nếu giá bán xăng dầu giảm 10% thì giá sản xuất giảm 0,57%, CPI giảm 0,55% và GDP tăng trưởng thêm 0,91%. Tuy nhiên, nếu giá dầu thô tiếp tục giảm mạnh trong năm 2015 thì sẽ ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước trong năm 2015 vì chúng ta đã xây dựng dự toán 100 USD/thùng. Theo tính toán của Chính phủ, nếu giá dầu xuất khẩu giảm 1 USD/thùng thì sẽ làm ngân sách hụt thu từ dầu thô 1.000 tỷ đồng. Vì vậy, bên cạnh việc tạo hiệu ứng lan tỏa kích thích kinh tế khi giá dầu giảm, chúng ta còn phải tính toán chi tiết cấp độ ảnh hưởng để có phương án bù đắp nguồn thu đi đôi với rà soát, kiểm soát chi tiêu trong bối cảnh nợ công năm 2015 đã gần mức chạm trần cho phép 65% GDP. Đây là điểm mà chúng ta phải hết sức thận trọng, không được chủ quan.

Trong năm 2015 này, ngoài sự bất ổn của giá dầu, chính sách quản lý giá của chúng ta còn những vấn đề nào cần lưu ý, thưa ông?

Năm 2015, có một vấn đề giá sẽ thay đổi nhiều, đó là giá đất. Khung giá đất cuối năm 2014 ở các thành phố đô thị lớn đã tăng gấp đôi. Luật Kinh doanh bất động sản cũng như Luật Đất đai đã quy định, giá đất phải tuân thủ theo quy luật của kinh tế thị

trường, có sự quản lý điều tiết của Nhà nước, nhưng từ trước đến nay, khung giá đất của chúng ta cách xa quá so với giá thị trường. Vừa rồi, chính sách điều chỉnh tăng lên như thế chỉ thu hẹp khoảng cách một phần. Về nguyên tắc, tăng giá đất lên thì các khoản nộp tiền quyền sử dụng đất tăng lên và thu ngân sách sẽ được hưởng lợi. Thế nhưng, theo tính toán của chúng tôi, trong ngắn hạn, sự thay đổi này không tác động quá nhiều đến thị trường bất động sản. Có hai lý do: Thứ nhất, những dự án đã và đang triển khai thường được làm xong hết các thủ tục đất đai từ trước theo giá cũ. Thứ hai, khung giá này chỉ áp dụng cho một số vùng trọng điểm của đô thị lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nên không tác động nhiều đến tình hình thị trường bất động sản chung của cả nước. Bây giờ, nếu có dự án mới thì Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải tính theo khung giá đất mới. Tuy nhiên, Chính phủ lại đang không cho phép mở thêm dự án mới về nhà ở, bất động sản tại hai thành phố này.

Xin trân trọng cảm ơn ông! ■

NHỊ NGUYÊN ***(thực hiện)***

Doanh nghiệp cần sự ổn định của chính sách để phát triển

Phỏng vấn Chuyên gia kinh tế **Cao Sĩ Kiêm** -
Chủ tịch Hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Theo nhiều đánh giá hiện nay, kinh tế vĩ mô của Việt Nam về cơ bản là ổn định nhưng tình hình doanh nghiệp trong nước vẫn chưa thực sự khởi sắc. Ông đánh giá như thế nào về tình hình của các doanh nghiệp trong thời gian qua?

Doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khối doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) hiện nay đang hồi phục, nhưng khó khăn vẫn còn rất nhiều và khó khăn chủ yếu vẫn là vốn. Rào cản lớn nhất để DNNVV tiếp cận vốn từ ngân hàng là sự bình đẳng giữa DNNN và DN tư nhân. Một khi vẫn còn sự phân biệt thì DN không thể cạnh tranh được và không thể vươn lên được. Đất đai, thuế, thủ tục hành chính, vốn ODA… nếu chỉ ưu đãi cho DNNN mà không phân bổ cho các nhóm khác thì DN không thể có sự phát triển đồng đều. Trong cơ chế thị trường, hàng hóa không phân biệt do DN nhỏ hay DN lớn sản xuất mà phân biệt ở chất lượng sản phẩm. Vì vậy, DN nhỏ thì cần hỗ trợ nhiều hơn so với DN lớn đã có sẵn tiềm lực. Hỗ trợ ở đây không chỉ bằng tiền mà còn bằng chính sách như đào tạo nhân lực, trang bị công nghệ…

Các DNNVV hiện nay đều đang có mấy điểm yếu:

Một là, về nội tại: Vốn nhỏ, không có khả năng tham gia vào thị trường lớn; không có mặt trên thị trường chứng khoán, không có cổ phần, cổ phiếu, không lên sàn. Công nghệ làm theo kiểu truyền miệng, lạc hậu, không có điều kiện trang bị công nghệ mới; hiểu biết pháp luật chỉ ở mức độ; không có khả năng quản lý, quản trị kinh doanh.

Hai là, về khách quan: Lao động không được hỗ trợ đào tạo. Tín dụng không được ưu đãi; không được hỗ trợ về công nghệ; chính sách hỗ trợ của Nhà nước chưa mang lại hiệu quả… Những điểm này khiến cho tất cả DNNVV hiện nay đang yếu thế và nếu để cạnh tranh thì tất nhiên là yếu thế nhất.

Thật ra, đối với phát triển kinh tế thị trường, lực lượng DNNVV đóng vai trò rất quan trọng, họ là đối tượng linh hoạt nhất, uyển chuyển nhất, tự mình chèo chống đi lên. DN đã tự vượt ra nhanh nhưng vẫn chưa đủ tầm. Thể chế, chính sách của mình không phù hợp, không kịp thời, đóng thuế gấp 2-3 lần, thủ tục thuế, hải quan, nhà đất, xây dựng cơ bản rất phức tạp làm triệt tiêu động lực cho người thực hiện. Chính điều này cũng góp phần cản trở sự phát triển của nền kinh tế mà không chỉ riêng thể chế, nguồn nhân lực.

Trong nhiều năm qua, sự đổi mới, nhận biết, cố gắng vươn lên của DNVN vẫn có sự trì trệ. Đường lối, chính sách Nhà nước ban hành sớm, đúng hướng nhưng khâu triển khai chậm, cơ cấu lại nền kinh tế đến nay vẫn chưa thực hiện được. Nghị quyết 11 của Chính phủ về 3 khâu đột phá chiến lược là: hạ tầng, cơ chế, đa dạng nguồn lực, nhưng hiện nay cả 3 khâu vẫn trì trệ. Hạ tầng còn lệch lạc, đường bộ vẫn nhiều hơn đường thủy, đường sắt… Đây là lĩnh vực chúng ta làm mạnh và có kết quả nhưng vẫn chưa hiệu quả, còn 2 lĩnh vực đào tạo con người và vấn đề thể chế thì vẫn quá chậm.

Luật Doanh nghiệp sửa đổi được thông qua có thể xem là tin vui cho doanh nghiệp. Vậy doanh nghiệp sẽ đón nhận được gì từ Luật Doanh nghiệp mới?

Luật Doanh nghiệp sửa đổi được thông qua là quyết sách đúng đắn của Nhà nước, ăn nhập với kinh tế thị trường, tạo nên động lực, sức phát triển cho người sản xuất và các DN. Tuy nhiên, Luật có phát huy hiệu quả trong thực tế hay không còn phụ thuộc vào cách triển khai và sự

đồng bộ của các ngành, các cấp. Nếu chính sách đã đúng, hướng đi đúng nhưng việc triển khai không tốt thì cũng không thể đạt được kết quả như mong muốn và nếu có kết quả thì việc tiến lên cũng rất chậm. Tất cả các Bộ, ngành phải đi vào cơ chế, phải làm chính sách cho sát hợp với thực tế. Nếu chỉ làm theo kiểu xoa dịu thì cũng như hòn đá ném ao bèo, ban đầu dạt ra nhưng khi đá chìm xuống, hết động lực thì bèo lại sẽ tụ vào. Vì vậy, làm chính sách phải theo hướng bền vững, dãn dần ra thì mới phát triển được. Tất cả DN đều cần sự ổn định của chính sách và cơ chế thoáng để có động lực phát triển.

Khu vực DNVVN sẽ đón được rất nhiều từ Luật mới nhưng sẽ chưa tác động được ngay vì Luật vừa mới ban hành, đang triển khai và chưa biết sẽ triển khai như thế nào, có đúng với tinh thần hay lại bị méo mó. Luật sửa đổi trước mắt đem lại một cơ hội là, Nhà nước không cấm cái gì thì DN sẽ được làm cái đấy. Đây là điều có thể làm ngay được với các DN.

DNVVN muốn lớn mạnh được còn phải lâu dài, ít nhất là từ10 đến 15 năm nữa vì chính sách muốn thấm phải có cơ sở; muốn trang bị được cơ sở phải có thời gian; đào tạo nhân lực cũng phải dần dần; mở ra thị trường cũng cần có thời gian, không thể trong một lúc là có được ngay. Những chính sách, luật lệ này nếu làm đúng, nghiêm túc và có hiệu quả thì theo tôi, 5 năm nữa nền kinh tế nước ta sẽ phát triển rất tốt.

Trong bối cảnh môi trường pháp lý cho doanh nghiệp đang thay đổi mạnh mẽ như hiện nay, theo ông, Kiểm toán Nhà nước cần phải làm gì để hoàn thành tốt vai trò của mình đối với lĩnh vực kiểm toán doanh nghiệp?

Kinh tế phát triển thì việc kiểm soát và kiểm toán lại càng mạnh mẽ hơn để đảm bảo kinh tế đi đúng đường ray, sử dụng đúng và hiệu quả dòng vốn. Bởi vậy, vấn đề phát triển nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán là rất cần thiết. Theo tôi, việc làm này phải xuất phát từ cả hai phía, cả phía đơn vị được kiểm toán cũng như bản thân cơ quan Kiểm toán Nhà nước đều phải được tăng cường nâng cao năng lực chuyên môn. Một cơ quan không thể làm hết được toàn bộ công việc kiểm soát, vì vậy rất cần có sự hỗ trợ từ các cấp cơ sở. Các doanh nghiệp cũng như các địa phương phải tự quản lý tốt nguồn tài chính của mình, có như vậy thì mới hỗ trợ được cơ quan kiểm toán trong việc kiểm soát tiền, tài sản nhà nước. Tôi nghĩ rằng, trong thời gian tới, với những nỗ lực để hỗ trợ Chính phủ kiểm soát kinh tế - tài chính, Kiểm toán Nhà nước sẽ hoạt động hiệu quả hơn và xứng đáng với kỳ vọng của nhân dân!

Xin chân thành cảm ơn ông! ■

HẢI LY ***(thực hiện)***

Chính sách tăng giá đất của Chính phủ sẽ tác động như thế nào lên thị trường bất động sản?

GS. TSKH ĐẶNG HÙNG VÕ

Trong thời gian vừa qua, dư luận khá ồn ào về việc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đệ trình và Chính phủ đã quyết định tăng gấp đôi giá trần của khung giá đất ở tại đô thị. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng đã quyết định tăng gấp đôi giá trần của bảng giá đất ở tại hai đô thị này. Những ý kiến thảo luận theo chiều hướng lo ngại của một số chuyên gia, doanh nhân đã thể hiện trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng và trên các hội thảo chuyên ngành về bất động sản (BĐS).

Những luận cứ chủ yếu của việc lo ngại này là việc tăng giá của Nhà nước sẽ làm cho giá BĐS ở Việt Nam vốn đã cao nay sẽ có thể tăng cao hơn, các nhà đầu tư BĐS phải chịu tăng thêm giá đầu vào, nghĩa vụ tài chính của người dân cũng thêm gánh nặng, v.v. Nhiều ý kiến đã đề xuất Nhà nước cần giữ nguyên giá đất như trước đây.

Việc tăng giá đất của Nhà nước không có tác động đến môi trường đầu tư BĐS nhà ở

Sự thực, tất cả những ý kiến nói trên đều không thuyết phục, thể hiện sự chưa hiểu thật thấu đáo quy định của Luật Đất đai 2013, của quy luật thị trường BĐS, trừ một ý kiến cho rằng những nhà đầu tư BĐS được Chính phủ cho phép nợ tiền sử dụng đất sẽ phải trả nợ cao hơn.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 (Bảng giá đất và giá đất cụ thể) của Luật Đất đai 2013, bảng giá đất của Nhà nước được sử dụng vào các mục đích bao gồm:

Thứ nhất, tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức đất ở của hộ gia đình, cá nhân;

Thứ hai, tính thuế sử dụng đất;

Thứ ba, tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

Thứ tư, tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Thứ năm, tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

Thứ sáu, tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với đất trả lại là đất đã trả tiền một lần cho cả thời gian sử dụng.

Khoản 4 Điều 114 này quy định giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp:

Một là, tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; tiền thuê đất nông nghiệp và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức;

Hai là, tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất;

Ba là, tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

Bốn là, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa DNNN;

Năm là, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ các quy định trên cho thấy, giá đất của các dự án BĐS mà nhà đầu tư phải nộp cho Nhà nước được hình thành dưới các dạng: một là giá đất trúng đấu giá đất khi UBND cấp tỉnh tổ chức đấu

giá đất để lựa chọn nhà đầu tư; hoặc hai là định giá đất cụ thể khi nhà đầu tư được chỉ định không thông qua lựa chọn cạnh tranh giữa các nhà đầu tư.

Đấu giá đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá. Định giá đất cụ thể được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 với nội dung: (1) Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc xác định giá đất cụ thể; trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể; (2) Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; (3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể.

Tất cả mọi quy định tại Điều 114 của Luật Đất đai 2013 nói rằng giá đất của Nhà nước không liên quan gì đến tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp cho Nhà nước, và cũng không liên quan gì đến tiền bồi thường cho người bị Nhà nước thu hồi đất.

Giá đất của Nhà nước cần phải tăng hơn nữa để phù hợp giá thị trường

Một thị trường BĐS lành mạnh là thị trường bảo đảm được điều kiện chênh lệch không đáng kể giữa giá đất của Nhà nước và giá đất trên thị trường. Điều này có nghĩa là thị trường BĐS lành mạnh sẽ không có khoảng hở giữa giá đất của Nhà nước và giá đất thị trường hoặc nếu có thì khoảng hở đó rất hẹp. Theo quy luật giá trị, sự không lành mạnh của thị trường BĐS luôn tồn tại gắn với khoảng hở về giá đất. Theo quy luật cung - cầu, giá đất chịu tác động chủ yếu từ quan hệ giữa cung và cầu chứ không chịu sự tác động hoặc chịu tác động rất ít của sự can thiệp của Nhà nước vào giá đất. Theo quy luật cạnh tranh, nếu giá đất của Nhà nước tác động mạnh được vào thị trường thì sẽ không còn cạnh tranh giữa các nhà đầu tư để giảm giá BĐS nữa. Những quy luật cơ bản của thị trường nói trên chính là luận cứ chủ yếu để hình thành Điều 114 của Luật Đất đai 2013 làm cho giá đất của Nhà nước có tác động ít nhất vào giá cả BĐS trên thị trường.

Trong hoàn cảnh hiện nay, giá BĐS trên thị trường phụ thuộc chủ yếu vào lượng cung hàng hóa BĐS và khả năng thanh toán của nhóm cầu tương ứng. Trên thực tế 10 năm từ 2005 (năm bắt đầu áp dụng bảng giá đất mới của UBND cấp tỉnh ban hành theo Luật Đất đai 2003) tới 2015 (năm bắt đầu áp dụng bảng giá đất mới của UBNS cấp tỉnh ban hành theo Luật Đất đai 2013), khung giá đất của Chính phủ vẫn giữa nguyên giá trần đối với đất ở tại đô thị (67,5 triệu đồng/1m^2) nhưng Bảng giá đất tại 2 đô thị loại đặc biệt đã tăng theo từng năm, mức cao nhất gần đây là 86 triệu đồng/1m^2. Trên thị trường, giá đất lại giảm khoảng 30% vào năm 2011 và giảm tới 50% vào 2012. Tại các khu đất vàng ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, giữa năm 2008 giá trần thị trường cao tới mức 1 tỷ đồng/1m^2, tới nay đã giảm chỉ còn khoảng 500 triệu đồng/1m^2. Như vậy, thực tế cho thấy giá đất của Nhà nước biến động tăng và giá đất thị trường lại biến động giảm. Điều này đã chứng minh rằng, những lo ngại vừa qua về việc Nhà nước tăng giá trên đất ở tại đô thị chỉ là sự tồn dư quá mạnh của cơ chế bao cấp trong tư duy con người, kể cả các chuyên gia. Đúng hơn, giá đất của Nhà nước cần phải tăng hơn nữa sao cho phù hợp giá thị trường, không phải chỉ tăng gấp đôi mà phải tăng gấp 5 lần mới đúng. Đây chính là cách tốt nhất để giảm giá đất thị trường. Chấp nhận thực tế là cách duy nhất làm cho thực tế tự thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn.

Cuối cùng, một số nhà đầu tư được Nhà nước cho nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đang lo ngại rằng mình phải trả tiền nợ cao hơn. Lo ngại này là đúng vì được nợ Nhà nước theo quy định tại Luật Đất đai 2003 thì tiền trả nợ phải tính theo quy định tại thời điểm trả nợ, tức là theo Luật Đất đai 2013. Khi Chính phủ thấy những hoàn cảnh này thực sự đáng thương thì có thể quyết định được tính giá trị nợ theo giá đất lúc ghi nợ. Không nên vì sự yếu kém của một số nhà đầu tư mà ngừng lại các bước đi nhằm tái cấu trúc thị trường BĐS.■

Đã đến lúc ngành nông nghiệp không thể phát triển theo mô hình cũ

TS. ĐẶNG KIM SƠN
Viện trưởng Viện Chính sách & Chiến lược PTNNNT

Nông nghiệp đã trở thành ngành đầu tiên của cả nước triển khai đề án tái cơ cấu và điều này xuất phát từ chính nhu cầu tự thân của ngành.

Có 2 lý do để tiến đến tái cơ cấu nông nghiệp:

Thứ nhất, trong suốt gần 30 năm qua, tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam được xếp hạng cao trong khu vực nhưng những năm gần đây, tăng trưởng nông nghiệp đang chậm lại. Các nguyên liệu đầu vào cho tăng trưởng nông nghiệp như đất đai, lao động, nguồn nước và nguồn vốn đã chuyển sang các ngành phi nông nghiệp, đặc biệt là công nghiệp và kinh tế đô thị.

Thứ hai, bản thân môi trường hiện tại và định hướng tương lai đã có rất nhiều biến đổi: khoa học công nghệ biến đổi rất nhanh; biến đổi khí hậu thay đổi tần suất của thiên tai; quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đẩy nhanh quá trình chuyển đổi trong xã hội; thay đổi về thị trường trong nước và ngoài nước; vấn đề về thu nhập… Chính vì thế, đã đến lúc nông nghiệp không thể phát triển theo mô hình cũ được nữa.

Tái cơ cấu cần đi kèm với thay đổi tư duy

Lâu nay, chúng ta hay nói về câu chuyện giá lúa cao hay giá lúa thấp, giá lúa thấp thì nông dân cho rằng doanh nghiệp (DN) không biết cách đàm phán, giá thu mua thấp thì cho rằng DN ép nông dân. Nếu đã tái cơ cấu thì thay đổi luôn tư duy, thay vì bàn về giá thị trường, chúng ta tập trung giảm chi phí sản xuất, càng giảm chi phí sản xuất lợi nhuận càng cao. Mấu chốt ở đây là tư duy thị trường. Theo tôi, có khoảng cách rất lớn về tiềm năng, giảm giá thành đầu vào cho sản xuất. Trong tương lai, chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa quá trình hậu sản xuất, đó là: chế biến, xây dựng thương hiệu, đảm bảo tiêu chuẩn để xâm nhập được vào phân khúc thị trường có giá cả cao hơn. Như vậy, từ cả hai phía đầu ra và đầu vào đều có tiềm năng nhưng thực tế cho thấy chúng ta không thể làm theo cách cũ được nữa, phải thay đổi tư duy, đây chính là mục tiêu của tái cơ cấu.

Một vấn đề nữa liên quan đến thay đổi tư duy, đó là việc phá bỏ bờ vùng bờ thửa hiện hữu, thay vào đó là bờ vô hình, từ đó đưa khoa học công nghệ, cơ giới hóa nông nghiệp. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng diện tích bờ thửa trên đồng ruộng chiếm 18% diện tích sản xuất. Đây là con số không thể tưởng tượng được nhưng lại rất thực tế và hoàn toàn có thể giải quyết tốt. Tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, nông dân đã thay đổi tư duy để thay bờ hữu hình thành vô hình, nông dân cộng tác với nhau đưa ruộng xa về gần, từ cách nhau về liền nhau. Nhiều tỉnh như: Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa… đã thay các bờ chia ruộng nhỏ thành 1 đường lớn chạy vào với hệ thống tưới tiêu hoàn chỉnh. Bên trong cánh đồng lớn không còn thấy bờ nữa và mức độ cơ giới hóa tăng lên rất tốt. Các cánh đồng đã dùng chung được một giống lúa, thủy lợi, tưới tiêu dùng rất tốt, hiệu quả tăng lên rõ rệt. Đặc biệt, diện tích canh tác tăng lên, ở mỗi xã, những bờ, góc, đường… khi được tận dụng đã tiết kiệm được hàng chục hecta đất canh tác.

Những mắt xích quyết định sự bền vững của mô hình liên kết

Vai trò của DN, Nhà nước và người nông dân đều rất quan trọng trong mô hình liên kết. Trong vấn đề bờ vùng, bờ thửa ở khu vực phía Bắc, đầu tiên chính quyền phải vận động để thay đổi tư tưởng, tâm lý của bà con, phải thay đổi bờ trong tư duy của nông dân. Sau đó là sức mạnh từ cộng đồng, chính nông dân, các thôn, bản, làng, xã, gia đình, dòng họ bàn bạc với nhau. Đây không phải là mua bán mà là

chuyển đổi bên trong với nhau, mọi người phải hòa đồng, bàn bạc với nhau. Điều này ngay cả tại thành phố lớn còn rất khó nhưng ở nhiều tỉnh đã làm rất tốt. Khi đã làm được việc này, đến lượt chính quyền vào đo lại, vẽ lại bản đồ, cấp lại giấy tờ để chính thức hóa đất đai. Như vậy, cần có sự phối hợp rất mật thiết giữa cộng đồng và chính quyền, quan trọng nhất là người nông dân phải nhìn thấy cái lợi của mình trong đó.

Hợp tác xã cũng là một mắt xích quan trọng trong mối liên hệ với nông dân, bởi: *Một là*, hợp tác xã sẽ quyết định trong việc thu hút doanh nghiệp một cách hiệu quả. Các hợp tác xã sẽ đứng ra làm người đại diện đáng tin cậy nhất, không chỉ giảm bớt các chi phí giao dịch cho DN trong việc ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản mà còn giúp DN ở đầu vào, giúp các ngân hàng có đầu mối để liên kết, hợp tác. *Hai là,* thông qua hợp tác xã, người dân phối hợp với nhau hoạt động trong sản xuất rất hiệu quả (sản xuất cùng một loại giống, một quy trình, áp dụng cùng một tiêu chuẩn chất lượng…). Chỉ có tổ chức của nông dân đứng ra làm với nhau thì mới có thể đảm bảo được. *Ba là,* các hợp tác xã dưới sự hỗ trợ của các DN sẽ bắt đầu cung cấp thêm các dịch vụ cho nông dân như dịch vụ làm đất, tưới nước, kho tàng, chế biến, phối hợp với DN để nâng cao lợi ích cho nông dân.

DN và nông dân cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa, không thể chỉ có một vài hợp đồng mua đứt bán đoạn. DN cần ứng trước đầu vào, vật tư, giống cho nông dân. Như vậy, DN liên kết với nông dân cả đầu vào lẫn đầu ra. Ngân hàng có thể cho DN vay, từ đó ứng trước cho nông dân. Mối quan hệ ở đây bao gồm cả khoa học công nghệ, tiền vốn, uy tín, ràng buộc với nhau không chỉ bằng hợp đồng mà đôi khi bằng tình nghĩa, quan hệ lâu dài gắn bó với nhau. Nông dân và DN có thể thua trong mùa vụ này nhưng vẫn có thể tiếp tục hợp tác với nhau. Một số DN hiện nay còn bán cổ phần cho nông dân và có trường hợp nông dân còn giao đất của mình cho DN. Khi sự ràng buộc với nhau đã chặt chẽ như thế thì không thể nào phá kèo liên kết được. Đây chính là bản chất chuỗi giá trị và có như vậy mới tạo nên thương hiệu. Theo tôi, tỉnh Đồng Tháp chính là hình mẫu tiêu biểu cho nông nghiệp hiện đại và mối liên kết chặt chẽ giữa các bên. Nông dân phải thay đổi tư duy từ ngắn sang dài, DN cũng phải mở rộng hướng tới kinh doanh và Nhà nước cũng cần phải xây dựng các chính sách dài hạn.■

THÙY LÊ ***(ghi)***

Tiền lương tối thiểu và mức sống tối thiểu: Cuộc "rượt đuổi" chưa có hồi kết?

HỒNG NHUNG

Tiền lương và cách thức phân bổ tiền lương có ảnh hưởng rất lớn không chỉ với người lao động, mà còn đối với trình độ phát triển và sự tiến bộ của xã hội. Tiền lương là một chỉ số quan trọng cho thấy một xã hội sẽ trở nên bình đẳng hơn - hay bất bình đẳng hơn. Gia tăng bất bình đẳng là mối quan ngại lớn tại nhiều quốc gia và gia tăng bất bình đẳng tiền lương góp phần vào xu hướng đó.

Pháp luật Lao động Việt Nam, từ Bộ luật Lao động năm 1994 cho đến Bộ luật Lao động năm 2012, đã có sự biến chuyển rõ rệt về căn cứ xác định mức lương tối thiểu, hướng tới xây dựng Luật Tiền lương tối thiểu trong Chương trình xây dựng luật và pháp lệnh nhiệm kỳ 2011-2016. Hơn 20 năm qua, các cơ quan quản lý, các nhà hoạch định chính sách và giới nghiên cứu đã nhiều lần bàn thảo, tranh luận về những vấn đề xoay quanh câu chuyện giữa tiền lương tối thiểu và mức sống tối thiểu của người lao động. Tuy nhiên, thực tế nhiều năm qua, tiền lương tối thiểu vẫn luôn "đuổi theo" mức sống tối thiểu và cho đến hôm nay, chúng vẫn như hình với bóng, "rượt đuổi nhau" đi tìm hồi kết…

Bất cập trong cách tính

Việt Nam đã qua 4 lần cải cách tiền lương. Lần cải cách gần đây nhất được thực hiện từ năm 2004 cho đến nay với mục tiêu chuyển chính sách tiền lương từ chế độ hiện vật (tem phiếu) sang trả hoàn toàn bằng tiền dựa trên nguyên tắc thị trường và hội nhập; tách bạch tiền lương khu vực hành chính và sự nghiệp (phụ thuộc ngân sách) với tiền lương của khu vực doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh (theo thỏa thuận). Đối với khu vực sản xuất, kinh doanh, tiền lương là giá cả sức lao động, hình thành theo quy luật thị trường; tôn trọng quyền của hai bên trong việc xác định tiền lương và ban hành mức lương tối thiểu.

Năm 2013, Việt Nam đã thành lập Hội đồng Tiền lương Quốc gia, đánh dấu sự cải thiện đáng kể cơ chế xác định tiền lương tối thiểu. Tuy nhiên, trên thực tế, tiền lương tối thiểu của người lao động Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu sống tối thiểu và thuộc nhóm nước có mức lương tối thiểu thấp nhất khu vực ASEAN. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên bắt nguồn từ cách xác định nhu cầu sống tối thiểu của người lao động còn khá nhiều những bất cập.

Bộ luật Lao động năm 2012 được Quốc hội khóa XIII thông qua có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013 quy định, mức lương tối thiểu là mức thấp nhất trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất, trong điều kiện lao động bình thường và phải bảo đảm nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ.

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế ILO, căn cứ Điều 3, Công ước số 131 năm 1976 về tiền lương tối thiểu đặc biệt đối với các nước đang phát triển, trong chừng mực có thể và thích hợp, xét theo thực tiễn và điều kiện quốc gia, những yếu tố cần lưu ý để xác định mức lương tối thiểu phải gồm: (i) Hệ thống nhu cầu của người lao động và gia đình họ; (ii) Mức tiền lương chung đạt được; (iii) Chi phí sinh hoạt và sự biến động của giá cả sinh hoạt; (iv) Các khoản phúc lợi xã hội; (v) Tương quan mức sống giữa các nhóm dân cư; (vi) Các yếu tố kinh tế (mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, năng suất lao động, tổng mức việc làm và khả năng chi trả của các doanh nghiệp).

Tại Việt Nam, hiện nay phương pháp xác định nhu cầu sống tối thiểu dựa trên 5 yếu tố: Nhu cầu lương thực, thực phẩm cho một lao động; Chi phí cho "rổ hàng hóa" lương thực thực phẩm; Chi phí cho các mặt hàng phi lương thực, thực phẩm; Nhu cầu nuôi con; Nhu cầu sống tối thiểu ở các vùng. Trong đó, theo kiến nghị của Viện Dinh dưỡng Việt Nam, nhu cầu dinh

dưỡng là 2.300 Kcal/ngày/người dùng để tính ra số lượng và cơ cấu "rổ hàng hóa" lương thực, thực phẩm cần thiết.

Đánh giá về điều này, TS. Richard Anker, Chuyên gia của ILO cho biết: Việt Nam đặt trọng tâm nhu cầu của người lao động và gia đình họ là điểm sáng trong xác lập mức lương tối thiểu. Tuy nhiên, nhu cầu sống tối thiểu được ước tính chưa rõ ràng và dễ hiểu, nên chưa đảm bảo số liệu đó có đủ đáp ứng nhu cầu sống cơ bản.

PGS, TS. Nguyễn Bá Ngọc, Phó Viện trưởng Viện Lao động Xã hội cho rằng: Cách xác định lương tối thiểu dựa trên các yếu tố trên đã phản ánh được nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu thực tế đạt được của người lao động, bao gồm cả thói quen tiêu dùng của cư dân trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này về mặt phương pháp còn khác nhau giữa các chủ thể. Ông Ngọc cho biết thêm, quan hệ chi cho lương thực thực phẩm/phi lương thực thực phẩm chưa đưa ra được danh mục những hàng hóa phi lương thực, thực phẩm quan trọng nhất, như: nhu cầu về nhà ở, nước sạch, đi lại, chăm sóc sức khỏe, giáo dục… Trong khi xã hội càng phát triển, những nhu cầu này càng cao. Do vậy, tỷ lệ phi lương thực, thực phẩm từ 49%-54% trong phương án của Hội đồng Tiền lương Quốc gia có thể là thấp.

Bà Lộ Thị Đức, Tổng cục Thống kê cũng thừa nhận, cách xác định nhu cầu sống tối thiểu cho lao động hưởng lương có độ trễ, số liệu điều tra có thể có sai số. Quy mô mẫu điều tra với các hộ có lao động hưởng lương chỉ đảm bảo xác định nhu cầu sống tối thiểu ở cấp cả nước, mức tính cho vùng chỉ mang tính chất tham khảo. Hơn nữa, nhóm hàng lương thực, thực phẩm còn gộp nhiều mặt hàng khác biệt nhau về chất lượng, giá cả, mức năng lượng đơn vị.

Bao giờ mới hết "bám đuổi"?

Trong nhiều năm qua, bài toán "tiền lương tối thiểu đáp

ứng mức sống tối thiểu" vẫn "mải miết" đi tìm lời giải thỏa đáng. Căn cứ Đề án cải cách chính sách tiền lương giai đoạn 2008-2012, Chính phủ đã năm lần điều chỉnh mức lương tối thiểu chung đối với cán bộ, công chức và sáu lần điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng đối với các doanh nghiệp, nhưng tính đến năm 2013, lương trong khối hành chính sự nghiệp vẫn chỉ bằng 70% khu vực doanh nghiệp và lương của khu vực doanh nghiệp mới đáp ứng được 62-69% mức sống tối thiểu của người lao động.

Ông Lê Xuân Thành, Phó Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận định: Cơ chế điều chỉnh vẫn chẳng tuân theo nguyên tắc nào. Đối với khu vực hành chính, chúng ta điều chỉnh lương chủ yếu dựa vào túi tiền của ngân sách. Còn trong khu vực doanh nghiệp, chủ yếu dựa vào việc tăng năng suất lao động rồi cộng với số trượt giá. Trong khi đó, chúng ta lại mở rộng đối tượng áp dụng mức lương tối thiểu, vì thế mặt bằng tiền lương tối thiểu rất thấp, ảnh hưởng đến tất cả đối tượng làm công ăn lương.

Theo ông Đặng Quang Điều, Trưởng ban Chính sách - Pháp luật, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thực tế tiền lương tối thiểu phải gắn với mức sống tối thiểu, hiểu đơn giản là phải đủ ăn mới làm được việc. Hiện nay, lương tối thiểu chỉ đáp ứng được khoảng 70% mức sống tối thiểu. Đây là vấn đề Công đoàn đang mong muốn điều chỉnh lương tối thiểu phải bằng mức sống tối thiểu.

Tại phiên chất vấn kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Phạm Thị Hải Chuyền cho biết: Trong việc nâng lương lần này, mặc dù Nhà nước đã dành 11.000 tỷ đồng nhưng cũng chưa thỏa đáng, tức là chưa đáp ứng yêu cầu giải quyết cơ bản tiền lương. Trong phương án cũng có lộ trình tiến tới năm 2015-2016, tiền lương phải bảo đảm mức sống tối thiểu, nhưng do điều kiện kinh tế và khả năng ngân sách nên qua 2 lần trình, Trung ương đã thảo luận và thống nhất, trước mắt phải giãn lộ trình tiền lương.

Theo tính toán của Hội đồng Tiền lương Quốc gia, nếu như năm 2015 tăng lương tối thiểu vùng thêm 15%, mức tăng từ 300.000 - 400.000 đồng tùy theo từng vùng, để đảm bảo được lộ trình đến năm 2017 lương tối thiểu bằng mức sống tối thiểu thì những năm tới, mỗi năm phải tăng khoảng 18-19%, nếu chậm sang năm 2018 thì mỗi năm tăng khoảng 15%.

Ông Đặng Ngọc Tùng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cảnh báo: Trong năm 2015, nếu không tăng lương tối thiểu vùng đạt được ở mức 80% thì năm 2017 không thể đạt mục tiêu lương phải đủ đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu của người lao động. Điều đó cũng có nghĩa, lộ trình tăng tiền lương tối thiểu vùng sẽ phá sản.

Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Phạm Minh Huân cũng thừa nhận, chính sách tiền lương hiện còn nhiều thách thức khi GDP bình quân đầu người thấp, năng suất lao động thấp, chất lượng lao động còn nhiều vấn đề, chuyển dịch lao động chậm... Dù vậy, Thứ trưởng khẳng định: "Chính phủ vẫn kiên trì lộ trình tăng lương tối thiểu vùng để đảm bảo lộ trình tăng lương tối thiểu đáp ứng được mức sống tối thiểu vào năm 2017".

Trước câu hỏi lộ trình tăng lương bằng mức sống tối thiểu vẫn giữ nguyên vào năm 2017 hay sẽ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp là chậm sang năm 2018, Thứ trưởng Phạm Minh Huân cho biết, nếu doanh nghiệp "chịu được" thì phương án tăng lương tối thiểu đến năm 2017 bằng mức sống tối thiểu là tốt nhất. Vì vậy, tháng 4/2015, Hội đồng Tiền lương Quốc gia sẽ họp xác định tiếp xem năm 2016 tăng lương bao nhiêu cho phù hợp.

Một nghiên cứu của ILO cho thấy, trong khi mục tiêu chính của tiền lương tối thiểu là nhằm bảo vệ người lao động hưởng lương thấp, thì lương cho người lao động có tay nghề ở Việt Nam lại cũng tăng cùng với lương tối thiểu, bởi hầu như chưa có thương lượng tập thể về tiền lương tại Việt Nam. Do đó, lương tối thiểu tăng sẽ gây ảnh hưởng rất lớn tới chi phí tiền lương của doanh nghiệp.

Xem ra, việc thu hẹp dần khoảng cách giữa lương tối thiểu và mức sống tối thiểu vẫn đầy thách thức và nan giải. Để đợi doanh nghiệp "chịu được" như lời Thứ trưởng nói, có lẽ vẫn sẽ là một hành trình dài và cuộc "rượt đuổi" vẫn chưa có hồi kết…■

HỘI NHẬP VỀ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Thời cơ và thách thức của kế toán, kiểm toán Việt Nam khi hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN

PGS.TS. ĐẶNG VĂN THANH
Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

Sắp tới, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) sẽ hoạt động, mở ra một thời kỳ mới trong tiến trình Việt Nam hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới. Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập nhằm mục đích tạo dựng một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất cho các quốc gia thành viên ASEAN, thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề trong ASEAN, thúc đẩy phát triển kinh tế một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao để có thể hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo cơ hội để các nhà sản xuất, kinh doanh Việt Nam mở rộng quan hệ, tiếp cận phương thức quản lý tiên tiến, dám đương đầu với cạnh tranh. Tuy nhiên, lợi ích hội nhập chỉ là tiềm năng, vấn đề thực tế còn phụ thuộc vào khả năng khai thác, nắm bắt thời cơ và khả năng giải quyết các thách thức. Lộ trình hội nhập phải gắn liền với những giải pháp, cơ chế, chính sách đồng bộ. Trong bài viết này, tôi chỉ xin đề cập đến một trong những lĩnh vực đang từng bước đi vào hội nhập, đó là lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Về căn bản, đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, hội nhập kinh tế quốc tế nói chung chưa có tác động thật mạnh tới tình hình hoạt động của thị trường. Nhưng cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán sẽ gay gắt hơn khi Việt Nam là thành viên của cộng đồng kinh tế ASEAN. Các doanh nghiệp và người dân Việt Nam sẽ được thụ hưởng nhiều dịch vụ hơn, với lợi ích cao hơn. Thông tin kinh tế, tài chính do kế toán cung cấp và được kiểm toán đánh giá, xác nhận sẽ có độ tin cậy cao hơn, minh bạch hơn. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật đã và sẽ được triển khai phục vụ việc hoàn thiện hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được trình bày và công bố phù hợp hơn với các chuẩn mực chung về kế toán, phản ảnh đầy đủ, kịp thời và hợp lý hơn thực trạng tài chính của Nhà nước, của doanh nghiệp. Nghiên cứu, triển khai hệ thống các chỉ tiêu giám sát, cảnh báo sớm từ thông tin kế toán với việc áp dụng công nghệ thông tin báo cáo làm lành mạnh thị trường dịch vụ, phục vụ tốt hơn cho người sử dụng thông tin kinh tế tài chính của Nhà nước cũng như của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn thuế, khuôn khổ pháp lý đã được tạo lập và đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện. Quốc hội đã thông qua và Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp, Luật Kiểm toán độc lập. Hiện nay, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán nhà nước đang trong quá trình sửa đổi bổ sung và sẽ được Quốc hội xem xét thông qua tại các kỳ họp trong năm 2015 và 2016. Các hãng kiểm toán quốc tế lớn được cấp phép cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Các tổ chức nghề nghiệp quốc tế của các quốc gia có nền kinh tế phát triển đã hoạt động ở Việt Nam như: Hiệp hội Công chứng Anh (ACCA), Hội Kế toán công chứng Australia (CPA Úc), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh và xứ Wall (ICEAW) … Các tổ chức nghề nghiệp nhiều nước đã và đang tham gia tích cực vào phát triển nghề nghiệp kế toán và kiểm toán và cung cấp các dịch vụ đào tạo, cấp chứng chỉ trình độ quốc tế cho các kế toán viên, kiểm toán viên Việt Nam. Thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán sẽ sôi động và cạnh tranh gay gắt.

Để lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán Việt Nam thành công khi tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN

Trước hết, cần tăng cường đổi mới hệ thống kế toán và kiểm toán, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, của các tổ chức nghề nghiệp đối với hoạt động kế toán và kiểm toán.

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và hoàn thiện các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với kế toán và kiểm toán. Nhà nước, với trách nhiệm của người quản lý, của Nhà nước phục vụ cần tiếp tục tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh và hợp tác. Đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, nền tài chính quốc gia. Tăng cường thông tin kinh tế - tài chính, phân tích, dự báo. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế và quản lý kinh doanh, quản lý thuế, đơn giản hóa các sắc thuế, áp dụng hệ thống thuế thống nhất; hiện đại hóa và giảm bớt các thủ tục hành chính trong công tác quản lý thuế.

Hoàn chỉnh khuôn khổ pháp lý phù hợp và tiếp nhận có chọn lọc hệ thống chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Đánh giá những chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt nam đã công bố. Tiếp tục hoàn thiện và công bố chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán độc lập, chuẩn mực kiểm toán nhà nước của Việt Nam.

Thứ hai, cải thiện chính sách đầu tư gắn với điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu dịch vụ tài chính, kế toán và kiểm toán.

Giảm thiểu bảo hộ, bảo hộ có chọn lọc, có trọng điểm, trong thời hạn nhất định. Có biện pháp chuyển đổi một cách hiệu quả các nhân tố kinh doanh (vốn, lao động, kỹ năng quản lý) sang khu vực dịch vụ, trong đó có dịch vụ tài chính, kế toán và kiểm toán. Để chuyển dịch cơ cấu thương mại dịch vụ, cơ cấu nguồn nhân lực trong nền kinh tế, cần thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cơ cấu thị trường dịch vụ, thực hiện xã hội hoá đầu tư, coi trọng yếu tố thị trường, tăng cường phân tích, dự báo, định hướng, hướng dẫn hỗ trợ đầu tư. Cải thiện năng lực, hiệu lực thi hành thể chế đầu tư để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thuận lợi và minh bạch, luật hóa chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

Thứ ba, kết hợp phát triển thị trường dịch vụ kế toán và kiểm toán trong nước với mở rộng thị trường dịch vụ ở nước ngoài, trước hết là thị trường xuất khẩu dịch vụ tại các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư 100% vốn hoặc góp vốn liên doanh, liên kết ở các nước ASEAN.

Củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh của các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán chiếm

lĩnh thị trường trong nước, đồng thời tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ của các nước trong khu vực và thế giới. Hoàn thiện hệ thống thông tin thương mại, dịch vụ, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại dịch vụ, hoàn thiện hệ thống thuế, quy chế hoa hồng, chính sách thương mại dịch vụ nội địa, quy chế hậu kiểm đăng ký kinh doanh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống pháp luật thương mại dịch vụ. Công bố công khai hàng năm các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đủ điều kiện hành nghề, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và phương thức điều hành, quản lý hành nghề, cung cấp dịch vụ đối với người nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

Thứ tư, đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán cho tiến trình hội nhập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và kiểm soát đạo đức nghề nghiệp của kế toán viên, kiểm toán viên.

Xây dựng chiến lược đào tạo dài hạn và đào tạo lại. Đào tạo đồng bộ nguồn nhân lực kế toán và kiểm toán theo một cơ cấu hợp lý giữa đội ngũ các nhà kế toán, tư vấn, các kiểm toán viên và các chuyên gia phân tích dự báo. Đổi mới cách thức tổ chức thi tuyển kế toán viên hành nghề và kiểm toán viên nhà nước, kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ, đảm bảo phát triển nhanh về số lượng, nâng cao chất lượng, đủ đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế. Đổi mới hệ thống đào tạo, giáo dục, chương trình và giáo trình, đặc biệt là đào tạo kế toán, kiểm toán ở các trường đại học, các trung tâm, các viện của các tổ chức nghề nghiệp.

Đảm bảo thống nhất và hài hòa chương trình, nội dung đào tạo kế toán và kiểm toán với các nước trong khu vực. Chú trọng chất lượng đào tạo. Nhà nước cần sớm giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán và tổ chức thi, cấp chứng chỉ hành nghề cũng như kiểm soát đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán cho Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt nam. Hiệp hội (Tổng hội) Kế toán và Kiểm toán Việt Nam cần được tổ chức lại và nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp.

Thứ năm, xây dựng kế hoạch, lộ trình chiến lược về thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế đối với dịch vụ tài chính, kế toán và kiểm toán.

Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nước, phát huy lợi thế so sánh, chiếm lĩnh thị phần ngày càng lớn, thâm nhập ngày càng nhiều vào thị trường nước ngoài, xác lập vị thế, nâng cao vị trí, vai trò của kế toán, kiểm toán Việt Nam trên trường quốc tế.

Để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, khả năng cạnh tranh quốc gia thì việc *"khẩn trương đổi mới và xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật phù hợp với đường lối của Đảng, với thông lệ quốc tế*" là hết sức cần thiết. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản pháp luật, trước hết là Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Kiểm toán nhà nước. Nghiên cứu, đề xuất việc ký kết, phê duyệt, phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế; tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải được coi trọng.

Cần đẩy mạnh và tạo điều kiện cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán ở nước ngoài, trước hết là cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế Việt Nam hoạt động ở nước ngoài và quản lý tốt dịch vụ kế toán và kiểm toán do cá nhân, tổ chức người nước ngoài cung cấp tại Việt Nam. Trong các biện pháp đẩy mạnh cung cấp dịch vụ, hành nghề ở nước ngoài, cần quan tâm hoạch định chính sách chuyển dịch cơ cấu dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh, tập trung vào thị trường, loại dịch vụ có tiềm năng, có hàm lượng trí tuệ chất xám và công nghệ, giá trị gia tăng lớn, có hiệu quả kinh tế cao. Các ưu đãi, hỗ trợ phải được minh bạch, bình đẳng. Ưu đãi, miễn giảm thuế chỉ là những biện pháp trong giai đoạn đầu. Tập trung hỗ trợ khuyến khích người Việt Nam hành nghề kế toán, kiểm toán ở nước ngoài, cùng với việc đa dạng hoá cơ cấu dịch vụ, quan tâm và tạo điều kiện cho một số dịch vụ có thế mạnh, có tiềm năng như làm kế toán, kê khai thuế, soát xét báo cáo tài chính…

Tóm lại, việc thực hiện thành công chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết cụ thể của lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao và sự phối hợp công tác của các ngành, các cấp, các cơ quan quản lý và các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán trong nước. Sự phát triển kế toán, kiểm toán Việt Nam, phát triển thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán một mặt sẽ tăng tính minh bạch, tin cậy của thông tin kinh tế tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời góp phần tăng trưởng kinh tế cho đất nước.■

Ngành kế toán, kiểm toán:

Mở cửa để đón người tài và đồng thời vươn ra thế giới

Phỏng vấn Chuyên gia kinh tế **Phạm Chi Lan**

Thưa bà, theo cam kết hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN thì năm 2015 là thời điểm bắt đầu có sự chuyển dịch đáng kể về lao động giữa các nước trong khối. Bà nhận định như thế nào về thị trường lao động của Việt Nam trong thời gian tới đây?

Theo tôi, đây thực sự là một thách thức cho chúng ta trong việc hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN. Khi một số nhóm ngành nghề chưa được mở ra nhiều ở Việt Nam thì hội nhập sẽ tạo cơ hội cho những người nước ngoài có kỹ năng cao đến đây làm việc. Việt Nam hiện nay đang thực sự thiếu hụt lao động có kỹ năng trong vô số ngành. Bên cạnh đó, nhiều nhà đầu tư lại thích tuyển dụng người nước ngoài hơn là người bản địa. Người Việt Nam đôi khi có kỹ năng nhưng phong cách, tư duy, thói quen… cũng không bằng được so với công dân đến từ các nước phát triển - những người đã quen làm việc trong hệ thống kinh tế thị trường thực sự.

Cùng với cơ hội tuyển dụng nguồn lao động tốt ở bên ngoài để bù đắp cho những thiếu hụt trong nước, hội nhập lần này cũng mở ra con đường cho người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Và điều này có thể khiến cho Việt Nam bị chảy máu chất xám ở một số lĩnh vực. Vụ việc cả trăm nhân viên kỹ thuật cao cấp của Hàng không Việt Nam muốn rút ra khỏi ngành đã cho thấy rõ một sự phản ứng và tình trạng đó hoàn toàn có thể xảy ra nhiều hơn trong tương lai. Nếu các nhân viên kỹ thuật cao muốn chuyển sang nước khác làm việc thì chúng ta cũng không có cách gì ngăn được họ. Mặt tích cực của nhu cầu chuyển dịch này là sẽ làm cho thị trường lao động ở Việt Nam trở nên thực chất hơn, không phải chúng ta chỉ cố gắng để nâng mức lương cơ bản lên trong khi mức lương cho những người lao động bậc cao lại quá thấp. Hiện nay, ở Việt Nam không mấy người quan tâm đến mức lương cơ bản cho người lao động bậc cao. Dường như tâm lý của các cơ quan khác nhau vẫn cho rằng, người đứng đầu phải có mức lương cao nhất, rất khó để chấp nhận chuyên gia hoặc kỹ thuật viên cao cấp được hưởng mức lương cao hơn lãnh đạo. Không nên đòi hỏi người đứng đầu phải hưởng mức lương cao nhất. Quan niệm này sẽ kìm hãm khả năng phát huy của đội ngũ lao động chất lượng cao. Nó cũng khiến cho nhiều người Việt thích đi làm cho công ty nước ngoài hơn, vì cùng một công việc nhưng công ty nước ngoài có thể trả lương cao hơn gấp 5 đến 7 lần so với doanh nghiệp Việt Nam. Chúng ta phải đưa ra chính sách thương lượng tiền lương và hợp đồng, thỏa ước lao động phải theo chuẩn mực chung, không thể tùy tiện làm theo ý muốn.

Theo bà, ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam sẽ gặp thuận lợi và thách thức gì khi tham gia sân chơi này?

Kế toán, kiểm toán là một trong những nhóm ngành dịch vụ cao cấp cùng với dịch vụ tài chính, ngân hàng. Nhưng có lẽ lâu nay ở nước ta, nói dịch vụ tài chính cao cấp thì người ta nghĩ đến ngân hàng nhiều hơn. Việc không đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của kế toán, kiểm toán cũng như kỹ năng của kế toán, kiểm toán là một sai lầm. Việt Nam chưa có kinh tế thị trường đầy đủ nên mới có cách nhìn như vậy. Kế toán, kiểm toán thực sự là nhóm ngành đòi hỏi chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp rất cao. Tuy nhiên, dường như các công ty kế toán, kiểm toán ở Việt Nam lâu nay vẫn có thói quen làm việc đáp ứng yêu cầu tuân thủ, còn việc đi sâu để nâng cao khả năng quản trị tài

chính ở các đơn vị thì chưa thực hiện nhiều. Phần lớn doanh nghiệp chưa biết dùng kế toán viên hoặc kiểm toán viên giúp đỡ cải thiện công tác tài chính.

Nói về năng lực cạnh tranh năng suất, không phải chỉ có năng suất lao động, vì năng suất sử dụng vốn cũng là một trong những năng suất quan trọng hàng đầu. Việt Nam đã từng có thời gian dài tăng trưởng dựa rất nhiều vào vốn, kể cả quy mô quốc gia cũng như doanh nghiệp. Nhưng rõ ràng, vốn của chúng ta đã sử dụng không hiệu quả. Bên cạnh năng suất sử dụng vốn, năng suất sử dụng tài sản cũng chưa được sử dụng để đạt được hiệu quả cao nhất. Tất cả những vấn đề này có thể được những người làm kế toán, kiểm toán giỏi nhận ra. Việc chúng ta chỉ đặt yêu cầu đối với công tác kế toán, kiểm toán là soi xét sổ sách tài chính hoặc đối phó với luật pháp của Nhà nước đã khiến cho năng lực của những người làm kế toán, kiểm toán chưa được khai thác hết. Vì vậy, việc hội nhập sẽ mang lại sức ép, đòi hỏi ngành kế toán, kiểm toán của Việt Nam phải nâng tầm, phải giỏi hơn thì mới giúp được các doanh nghiệp vượt lên. Nếu không đáp ứng được yêu cầu, các kế toán, kiểm toán viên giỏi của các nước sẽ vào Việt Nam thay thế. Khi các kế toán viên, kiểm toán viên nước ngoài thông thạo hơn, giỏi hơn, giúp doanh nghiệp nâng giá trị vốn và tài sản lên thì chắc chắn họ sẽ có vị thế tốt hơn nhiều so với người Việt Nam. Ngoài ra, còn có những đòi hỏi tuân thủ các chuẩn mực đạo đức để bảo vệ uy tín nghề nghiệp… Tôi cho rằng, đến lúc này thì ngành kế toán, kiểm toán Việt Nam phải cố gắng để vươn lên, trước hết là để cho bản thân các doanh nghiệp, sau đó là để nền kinh tế của Việt Nam nâng cao được năng lực quản trị của mình, khai thác tận dụng tốt nhất những nguồn lực có được như vốn liếng, tài sản, tài nguyên,… Đó chính là vai trò quan trọng bậc nhất của kế toán, kiểm toán.

Bà nghĩ sao về khả năng một số hàng rào có thể được dựng lên để bảo vệ những người lao động trong nước? Chẳng hạn, yêu cầu kế toán, kiểm toán viên nước ngoài phải thi lấy chứng chỉ CPA Việt Nam bằng tiếng Việt?...

Thực ra, các nước khác cũng dựng lên những rào tương tự, không chỉ riêng Việt Nam. Chẳng hạn, một số chứng chỉ của Thái Lan cũng đòi hỏi người nước ngoài thi bằng tiếng Thái, biết luật Thái… Tuy nhiên, bên cạnh những đòi hỏi như vậy, Thái Lan cũng rất tích cực để đào tạo cho công chức của họ có đủ khả năng đáp ứng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhiều yêu cầu khác nhau. Liên quan đến các nước ASEAN, Thái Lan sẽ chia ra những nhóm học viên, mỗi nhóm yêu cầu chọn học một ngôn ngữ trong khối, ví dụ một số công chức học tiếng Việt, một số học tiếng Myanmar… để những người này có thể làm việc ở các nước khác, hoặc ít nhất là làm việc được với người của các nước đó tại Thái Lan. Đấy là cách mà Thái Lan chuẩn bị, một mặt họ đưa ra rào cản bên ngoài, một mặt họ tích cực chuẩn bị cho bản thân để có cơ hội ra bên ngoài làm việc. Họ đã lường trước những rào cản và cố gắng tìm cách để vượt qua. Trong bối cảnh hội nhập, việc đưa ra những rào cản không phải là cách hay nhưng trước mắt là để tránh sốc cho đội ngũ lao động trong nước trước sự cạnh tranh ào ạt.

Trong khối ASEAN, thực ra các nước vẫn tương đối dễ dàng với nhau, không thực sự tạo ra sức ép lớn, nhưng với các nước trong TPP thì muốn dựng rào cản là rất khó. Rào cản chúng ta đưa ra phải hợp lý, có sự đồng thuận chung, các nước cùng làm mới có thể được chấp nhận. Còn nếu dựng hàng rào một cách đơn lẻ trong khi đã cam kết mở cửa thì không phải dễ dàng. Có lẽ, đối với Việt Nam, cách tích cực nhất là không nên dựng rào cản mà là tạo ra những yêu cầu mới, thúc bách những người làm trong lĩnh vực đó phải vươn lên, phải giỏi hơn. Chúng ta không thể cứ đóng cửa với người giỏi để duy trì yếu kém mãi với nhau, cần phải có giải pháp để khuyến khích người Việt giỏi lên và sẵn sàng cạnh tranh với bên ngoài.

Xin trân trọng cảm ơn bà! ■

ĐINH HIỀN ***(thực hiện)***

Suy ngẫm về thị trường kế toán và kiểm toán cộng đồng ASEAN

PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH HỰU
Ủy viên Hội đồng Quốc gia về kế toán

Ai cũng thích đi trên những con đường lớn. Tuy nhiên, để lên đường lớn từ những con hẻm nhỏ nhoi lại ẩn chứa những cam go, thử thách, anh sẽ hòa nhập xa lộ thênh thang theo cách tiếp cận nào và với lưng vốn nào?

Một quốc gia, với địa chính trị đã hầu như được mặc định, ẩn chứa những trầm tích văn hóa, lịch sử, những trải nghiệm đớn đau và bi tráng. Muốn hội đoàn cùng thiên hạ, "anh ta" phải có bản lĩnh tự chủ, lại có trái tim hòa đồng đầy hứng khởi, đầy khát vọng giao cảm, sẻ chia. Cái vốn tự có ban đầu ấy càng đầy đặn, càng mỡ màu thì càng thuận lợi. Trong cộng đồng đông đảo, đa phương, đa chiều, đa tính cách, "anh ta" sẽ tận thu lợi thế và giảm thiểu sự mảnh mai, cô lẻ để từng bước đi tới, từng bước tham gia "đầy trách nhiệm"(*) với cộng đồng. Ngược lại, sự ghẻ lạnh, cố chấp, sự tự kiêu quá mức tới độ "không rõ mình là ai" thì sẽ tự "đơn độc hóa", tự mình tách khỏi dòng chảy của thời đại. Điều phải đến là sự xa biệt, tự mình lùi lũi trên những con đường nhỏ, ấm ức, thua thiệt.

Như vậy, để hội nhập và hòa đồng cùng thị trường kế toán, kiểm toán của ASEAN hậu kỳ cộng đồng hóa, theo chúng tôi, những người làm kế toán và kiểm toán Việt Nam, ít nhất phải lưu tâm năm vấn đề không ít gai góc sau đây:

Thứ nhất, phải thấu triệt những quy tắc, luật lệ ứng xử về chính trị, kinh tế, xã hội và về văn hóa (3 trục trọng tâm) khi ASEAN trở thành cộng đồng. Trong đó, mỗi quốc gia thành viên, mỗi ngành nghề, mỗi doanh nghiệp phải làm gì, phải hành xử như thế nào cho phù hợp với những qui tắc ứng xử chung. Làm sao để quốc gia, địa phương, doanh nghiệp và cả cá nhân người lao động có thể sống, hít thở bầu không khí cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm và tận hưởng lợi ích từ cả cộng đồng và từ từng đối tác.

Thứ hai, như một kẻ tiếp nhận nguồn tài trợ ODA, ta phải có vốn đối ứng. Vốn đối ứng đó là gì? Có phải là tài lực, những toàn năng trí tuệ, kinh nghiệm và kỹ năng làm việc, vốn văn hóa đầy nhân ái, hòa đồng, hợp tác và thân thiện? Làm sao để ta dám tin cậy vào đối tác và biết thuyết phục để đối tác tin cậy ta, nhờ đó mà trao gửi niềm tin, trao gửi nguồn lực và thực hiện sự "cộng sinh" cao cả cùng nhau?

Thứ ba, chúng ta phải tổng kết cho được kinh nghiệm, thành tựu và cả những yếu kém của hơn 60 năm xây dựng ngành kế toán và gần 30 năm xây dựng ngành kiểm toán Việt Nam, sau bao trải nghiệm, cải cách để kiến thức hóa thực tiễn này trên sách vở, trên những quy trình, chuẩn mực. Đó là vốn đối ứng quan trọng để Việt Nam có thể sánh ngang hàng các quốc gia về tri thức, về năng lực kế toán, kiểm toán. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể sòng phẳng thương thảo, đủ khả năng đi làm thuê (hành nghề) kế toán, kiểm toán ở nước bạn và dám mở cửa để bạn đồng nghiệp quốc tế nhập cư ồ ạt vào làm việc ở Việt Nam.

Thứ tư, Việt Nam cùng các thành viên khác trong cộng đồng phải khẩn trương hợp tác để cùng nhau nghiên cứu, ban hành bộ quy tắc chung về kế toán,

(Xem tiếp trang 26)

Cần có chiến lược giữ chân người tài khi tham gia hội nhập kinh tế

Trò chuyện với ông **Ian Lydall** - Chủ tịch HĐQT PwC Việt Nam

Là lãnh đạo của một công ty tư vấn kế toán, kiểm toán lớn tại Việt Nam, đồng thời cũng là hội viên của một số Hiệp hội Kế toán, Kiểm toán nổi tiếng trên thế giới, ông đánh giá như thế nào về lĩnh vực kế toán của Việt Nam hiện nay?

Trong 13 năm làm việc tại Việt Nam, tôi đã thấy sự tiến triển rõ rệt trong lĩnh vực kế toán. Chẳng hạn, Bộ Tài chính đã liên tục ban hành các chuẩn mực kế toán trên cơ sở Chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và nhiều quy định khác để xây dựng một khuôn khổ chung về kế toán (Vietnam GAAP) phù hợp với nhu cầu lập báo cáo của các doanh nghiệp và tổ chức tại Việt Nam. Trong các lĩnh vực chuyên môn khác, một số cơ quan cũng góp phần vào việc này, ví dụ như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng. Một khuôn khổ kế toán toàn diện hơn đang được hình thành.

Mặc dù Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, song vẫn còn nhiều điều cần phải làm. Hiện nay, nhiều quốc gia khác, trong đó có cả một số quốc gia Đông Nam Á đã chuyển sang áp dụng IFRS, hoặc đã hoàn thành quá trình này và có kế hoạch rõ ràng để thực hiện trong tương lai gần. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa có một lịch trình xác định để hoàn thành việc áp dụng IFRS và chưa hoàn toàn giải quyết các vấn đề như tổn thất tài sản và đo lường giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả. Mặc dù chuẩn mực quốc tế đã được áp dụng vào chuẩn mực Việt Nam, nhưng những sự cập nhật sau đó của chuẩn mực quốc tế thì vẫn chưa được xem xét để cập nhật vào chuẩn mực Việt Nam một cách kịp thời.

Tất nhiên, vấn đề soạn thảo các chuẩn mực, thông tư và các quy định khác chỉ là một phần của câu chuyện. Bởi vì, việc người lập báo cáo tài chính hiểu và áp dụng các quy định như thế nào cũng quan trọng không kém. Vụ Chế độ kế toán và Kiểm toán của Bộ Tài chính phải dành một phần lớn thời gian để giám sát cách thức các doanh nghiệp thực hiện Vietnam GAAP và giải đáp những vướng mắc của người lập báo cáo tài chính. Trên thực tế thì những sự diễn giải khác nhau hoặc những yêu cầu làm rõ sẽ không bao giờ hết hoàn toàn. Điều này cũng tương tự như trường hợp các cơ quan quản lý về IFRS và US GAAP phải liên tục ban hành những tài liệu giải thích cho các chuẩn mực của họ. Và vấn đề thường xuyên xảy ra tại Việt Nam (cũng như bất kỳ nơi nào khác) là khách hàng phải tìm kiểm toán viên cũng như các công ty kiểm toán để xin ý kiến tư vấn về những vấn đề kế toán.

Trước những vấn đề như vậy của lĩnh vực kế toán thì ngành kiểm toán Việt Nam đang đóng vai trò như thế nào, thưa ông?

Thực tế trên của ngành kế toán đã dẫn chúng ta đến một lĩnh vực quan trọng khác là các tiêu chuẩn chuyên môn của doanh nghiệp kiểm toán. Chẳng hạn, tại Công ty PwC, chúng tôi không chỉ dành nguồn lực đáng kể để đào tạo chuyên môn cho nhân viên mà còn đầu tư vào các tổ chuyên gia để hỗ trợ cập nhật và tư vấn chuyên môn cho kiểm toán viên. Một số doanh nghiệp kiểm toán khác đang hoạt động tại Việt Nam cũng có cách thức tương tự, mặc dù các doanh nghiệp đó có thể chỉ có nguồn kinh phí hạn chế dành cho hỗ trợ chuyên môn. Theo quan sát của chúng tôi, các tiêu chuẩn về kiến

thức kế toán đã được nâng cao trong những năm gần đây, cả trong các doanh nghiệp dịch vụ kế toán chuyên nghiệp và ban tài chính của các doanh nghiệp. Các tổ chức nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng và đang có sự đóng góp ngày càng nhiều hơn. Những tổ chức như Hiệp hội Kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA) và CPA Australia đang thực hiện đào tạo cho học viên tại Việt Nam để giúp họ thi lấy các chứng chỉ chuyên nghiệp, đồng thời góp phần mở rộng phạm vi phát triển nghề nghiệp cho các kế toán viên và kiểm toán viên là hội viên của họ.

Trong lĩnh vực kiểm toán, Bộ Tài chính đã ban hành nhiều Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) trên cơ sở chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Dù còn một số chuẩn mực quốc tế đang chờ được áp dụng, Bộ Tài chính vẫn cố gắng để áp dụng các chuẩn mực một cách kịp thời. Chỉ có điều, cũng như với chuẩn mực kế toán, quan trọng nhất là cách thức kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán hiểu để thực hiện chuẩn mực kiểm toán ở mức độ cao và kết quả được các cơ quan quản lý giám sát chặt chẽ. Công việc kiểm toán cần đưa ra những xét đoán quan trọng, và cá nhân từng kiểm toán viên luôn cần sự hỗ trợ của doanh nghiệp kiểm toán cũng như tổ chức nghề nghiệp để tham khảo ý kiến khi họ gặp những vấn đề phức tạp.

Cũng như trong lĩnh vực kế toán, lĩnh vực kiểm toán tại Việt Nam dù đang được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều điều phải làm. Số lượng doanh nghiệp kiểm toán được Bộ Tài chính cấp giấy phép hành nghề hiện nay đang gấp nhiều lần so với 10 năm trước đây. Do đó, nhiệm vụ đảm bảo chất lượng kiểm toán đồng đều ngày càng trở nên khó khăn. Theo tôi, các tổ chức nghề nghiệp nên hỗ trợ về mặt này bằng cách chú trọng nhiều hơn vào việc phát triển nghề nghiệp toàn diện và cập nhật kiến thức cho hội viên, thay vì chỉ chú trọng vào việc đào tạo sinh viên để thi đỗ.

Năm 2015, lĩnh vực kế toán, kiểm toán là một trong những nhóm ngành nghề đầu tiên tham gia hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN. Theo ông, những người làm nghề kế toán, kiểm toán tại Việt Nam cần có sự chuẩn bị như thế nào để cạnh tranh với lực lượng lao động đến từ các nước trong Cộng đồng này?

Bản thân công ty của ông đã có kế hoạch gì để đón đầu nguồn lao động từ các nước khác?

Một trong những trụ cột của Cộng đồng kinh tế ASEAN là tính lưu động của lực lượng lao động. Hầu hết các nước ASEAN là các nền kinh tế mới nổi, thiếu nguồn cung lao động có kỹ năng và không muốn các quốc gia khác bòn rút nguồn lao động sẵn có của họ. Tình hình này cũng đúng cho Việt Nam. Trong các dịch vụ kế toán, kiểm toán chuyên nghiệp, có khả năng những kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ nghề nghiệp nước ngoài như ICAEW, CPA Australia, ACCA sẽ muốn làm việc tại các quốc gia như Singapore và Malaysia vì mức lương ở đó cao hơn nhiều. Điều này có nghĩa là có thể có sự chảy máu chất xám từ Việt Nam. Việc này có hậu quả nghiêm trọng vì Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và kỹ năng chuyên môn là rất quan trọng để đạt được vị thế phát triển. Tuy nhiên, mặt được của thực tế này là những kế toán viên, kiểm toán viên trẻ sẽ có thêm kinh nghiệm làm việc tại nước ngoài sau khi trở về Việt Nam, có thể họ chính là những người mang lại lợi ích từ việc học hỏi kiến thức và kỹ năng tại những thị trường phức tạp.

Một cách thức để Việt Nam tự chuẩn bị cho mình là đảm bảo việc khuyến khích thêm nhiều người trẻ theo đuổi sự nghiệp kế toán, kiểm toán. Các tổ chức nghề nghiệp quốc tế như ICAEW, CPA Australia, ACCA có thể góp phần của mình để quảng bá về sự hấp dẫn của nghề nghiệp này với học sinh, sinh viên đại học. Nếu chúng ta đảm bảo nguồn cung luôn được đáp ứng, tôi nghĩ Việt Nam sẽ có thể chống lại sự chảy máu chất xám.

Đối với PwC, việc hội nhập này cũng có nghĩa là chúng tôi phải đảm bảo có một chiến lược để giữ lại nhân tài. Hiện chúng tôi đã có những cơ hội biệt phái nhân viên đến các công ty PwC khác trong khu vực ASEAN, do vậy, sự mở cửa trong lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn cho cả việc gửi và nhận nhân viên PwC từ các văn phòng khu vực ASEAN. Điều này sẽ giúp PwC đảm bảo sở hữu những nhân viên có kỹ năng phù hợp để tiếp tục cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng của chúng tôi.

Xin trân trọng cảm ơn ông! ■

NHỊ NGUYÊN ***(thực hiện)***

Hội nhập kế toán, kiểm toán dưới góc nhìn của các Chuyên gia Ngân hàng Thế giới

Bà Victoria Kwa Kwa - Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới:

Việt Nam đang cố gắng xây dựng một nền tảng vững chắc cho công cuộc hội nhập, trong đó có việc củng cố lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán. Công việc của chúng tôi là cố gắng làm cho những lĩnh vực trên đi theo chuẩn mực quốc tế. Nếu có thể thực hiện được điều này, lĩnh vực kế toán, kiểm toán Việt Nam sẽ tự ổn định được trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù là hội nhập ASEAN hay trong bối cảnh thực hiện Hiệp định TPP. Theo đó, lĩnh vực kế toán, kiểm toán cũng sẽ được ở trong vị thế tốt hơn. Rõ ràng, hội nhập là cơ hội để Việt Nam chuyển chuẩn mực kế toán, kiểm toán hiện tại sang chuẩn mực mang tính quốc tế. Đó cũng là một trong những nội dung quan trọng mà chúng tôi đang trao đổi và hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam.

Ông Sameer Goyal - Chuyên gia tài chính cao cấp của Ngân hàng Thế giới:

Ở Việt Nam, kế toán và kiểm toán là những lĩnh vực còn tồn tại rất nhiều lỗ hổng. So với các nước láng giềng, chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam còn rất nhiều vấn đề phải hoàn thiện. Thực tế, thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy hệ thống trên. Tôi nghĩ điều đó một phần là do tác động của nhu cầu hội nhập quốc tế. Đối với một số thách thức đang gặp phải, dù Việt Nam có thay đổi luật hay nâng cao chuẩn mực thì điều quan trọng là vẫn phải tổ chức đào tạo để đảm bảo cho việc thực hiện chuẩn mực một cách đúng đắn. Quá trình thực hiện đào tạo có thể mất khá nhiều thời gian vì Việt Nam vẫn còn cả một hệ thống sinh viên được đào tạo với chuẩn mực kế toán cũ, họ đang cần được nâng cao trình độ.

Tôi cho rằng, sau một vài năm nữa, chúng ta mới có thể nhận thấy được rõ những hiệu quả của việc hội nhập. Một trong những tác động tức thời của hội nhập là áp lực lên các tập đoàn, doanh nghiệp, ngân hàng - những đối tượng đang tìm kiếm các đối tác nước ngoài. Giờ đây, họ đang ở trong hoàn cảnh cần phải tự nâng cấp. Yêu cầu hội nhập chính là lý do để các doanh nghiệp đó chuyển đổi sang chuẩn mực cao hơn. Nếu không có lý do này, nhiều công ty sẽ không muốn dành chi phí cho việc chuyển đổi. Việc nâng cao chuẩn mực sẽ tạo điều kiện cho các công ty được tham gia hội nhập kinh tế ASEAN. Vì vậy, tôi cho rằng những tác động trên sẽ mang lại hiệu quả tích cực.

Tôi được biết, Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Ngân hàng Thế giới nghiên cứu bản đánh giá các chuẩn mực kế toán và kiểm toán. Bản gần đây nhất đã được thực hiện vào khoảng sáu năm trước, còn bản hiện nay được yêu cầu hoàn thành trong vòng sáu tháng tới. Bản đánh giá này nếu được công bố thì sẽ đưa ra được các khuyến nghị về các khiếm khuyết, hạn chế cũng như những khả năng và những điều cần phải được sửa đổi, hoàn thiện...

Ngoài ra, Việt Nam cũng đã có một số cuộc thảo luận yêu cầu các ngân hàng áp dụng sớm những Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế IFRS. Nếu thực hiện được thì đó thực sự là một bước tiến mạnh mẽ bởi cho đến thời điểm hiện tại, chỉ có khoảng 6, 7 ngân hàng ở Việt Nam theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính này. Khi các nhà đầu tư đến, việc đầu tiên họ làm là đọc các con số trong bản báo cáo tài chính. Nếu bản báo cáo đó thực hiện theo chuẩn mực của Việt Nam, họ sẽ không hiểu được các con số này nói lên điều gì. Do đó, Việt Nam cần nhanh chóng biến những con số trong các báo cáo tài chính trở thành những con số theo chuẩn IFRS để các nhà đầu tư thế giới có thể hiểu và làm việc được với chúng. Đó là điều quan trọng nhất trong nhiều điều cần phải tiến hành sửa đổi đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán.■

Vài nét về việc áp dụng phương pháp kiểm toán hoạt động trong các đơn vị tài chính công tại Việt Nam

TH.S. LÊ THỊ TUYẾT NHUNG
Kiểm toán viên KTNN chuyên ngành III

Trên thế giới, loại hình kiểm toán hoạt động được hình thành và phát triển mạnh mẽ từ những năm 70 của thế kỷ XX và bắt đầu ở khu vực công sau đó lan sang khu vực tư nhân tại Mỹ, Canada và các nước Châu Âu. Theo IIA (Viện Kiểm toán nội bộ), kiểm toán hoạt động *"là quá trình đánh giá mang tính hệ thống về tính hiệu quả, tính hiệu năng và tính kinh tế của các hoạt động của một tổ chức dưới góc độ kiểm soát quản lý và báo cáo cho các cá nhân có liên quan về kết quả của quá trình đánh giá cùng với những kiến nghị nhằm cải thiện chúng"*. Kiểm toán hoạt động thực hiện dựa trên các tài liệu ghi chép kế toán, tài chính để có được một sự hiểu biết đầy đủ về hoạt động kinh doanh và các hoạt động trong đơn vị. Nhiệm vụ của kiểm toán hoạt động là xem xét, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả trong hoạt động của đơn vị. Tính hiệu lực là khả năng hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu của đơn vị. Tính hiệu quả là khả năng đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất. Đánh giá tính hiệu lực trong hoạt động của đơn vị là việc đánh giá khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra thông qua việc đánh giá kết quả các phương án kinh doanh, một quy trình công nghệ hay một dự án đầu tư… Cùng với tính hiệu lực, việc đánh giá tính hiệu quả hoạt động của đơn vị giúp cho đơn vị biết được hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực của mình để có giải pháp thiết thực khai thác huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực trong đơn vị. Tuy nhiên trên thực tế tính hiệu quả và hiệu lực của quá trình hoạt động của các đơn vị tài chính công rất khó để đánh giá một cách khách quan bởi mục tiêu hoạt động của các đơn vị này ngoài yếu tố đem lại hiệu quả kinh tế còn mang những yếu tố chính trị, xã hội khác.

Đối tượng của kiểm toán hoạt động rất đa dạng và phong phú bởi mỗi đơn vị có kế hoạch, chương trình hoạt động cho những thời kỳ nhất định với các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể. Việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ mà đơn vị đã đề ra có ý nghĩa quan trọng, giúp đơn vị rút ra những kinh nghiệm trong quản lý tài chính-kế toán và đề ra phương hướng phát triển trong các thời kỳ tiếp theo. Song song với những phương pháp kiểm toán truyền thống thì sự phát triển của kiểm toán hoạt động cho phép hình thành nên một bức tranh hoàn thiện và tổng quát về tình hình kinh tế, tài chính của đối tượng được kiểm toán, nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán. Hiện nay, ở Việt Nam loại hình kiểm toán hoạt động vẫn chưa thực sự phổ biến. Với mục tiêu đưa nền kinh tế nước ta ngày một phát triển và tăng trưởng bền vững thì việc chú trọng nghiên cứu phương pháp kiểm toán hoạt động là hết sức cần thiết. Kiểm toán hoạt động đang đóng vai trò ngày một quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam như một công cụ hữu hiệu để hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong các tổ chức thương mại và cả các đơn vị tài chính công. Có thể tóm lược một vài phương hướng áp dụng kiểm toán hoạt động trong nền kinh tế nước ta như sau:

Một là, tiến hành kiểm toán hoạt động trong các tổ chức thương mại với mục đích đánh giá năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của đối tượng được kiểm toán đồng thời tư vấn

các giải pháp nhằm giúp đơn vị hoàn thiện bộ máy hoạt động;

Hai là, sử dụng loại hình kiểm toán hoạt động như là một công cụ hoàn thiện hệ thống kiểm tra tài chính quốc gia;

Ba là, áp dụng các phương pháp kiểm toán hoạt động khi tiến hành kiểm toán tài chính theo phương pháp truyền thống nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm toán.

Hiện nay ở nước ta, kiểm toán hoạt động bước đầu được áp dụng trong đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị tài chính công với mục đích hoàn thiện hệ thống kiểm tra tài chính quốc gia, nâng cao trách nhiệm trong lĩnh vực tài chính công đồng thời cho phép sử dụng hiệu quả hơn nữa các nguồn lực quốc gia. Sự cần thiết của việc áp dụng phương pháp kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực tài chính công tại nước ta thể hiện bởi các yếu tố chính sau:

Một là: Yêu cầu về nâng cao chất lượng việc kiểm tra nguồn tài chính của quốc gia nhằm mục đích bảo toàn tiến độ phát triển kinh tế - xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Hai là: Sự cần thiết phải rà soát và bổ sung những phương pháp kiểm tra tài chính quốc gia trong điều kiện nền kinh tế hiện nay với nhiều sự đổi mới theo hướng ngày một phức tạp hơn.

Ba là: Nâng cao hiệu quả của các khoản chi ngân sách và tối ưu hóa chất lượng điều hành nguồn ngân sách quốc gia đối với tất cả các cấp ngân sách nhà nước.

Theo đó, những mục tiêu cơ bản khi áp dụng phương pháp kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực tài chính công được xây dựng như sau:

- Xác định tính đúng đắn, trung thực của các số liệu trong Báo cáo tài chính;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài sản… của đối tượng được kiểm toán;
- Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước;
- Phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, tư lợi cá nhân;
- Kiến nghị chấn chỉnh và hoàn thiện công tác tài chính – kế toán tại đơn vị được kiểm toán.

Song đến thời điểm hiện tại, chất lượng các cuộc kiểm toán đôi khi vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi ngoài những lý do khách quan còn do một số yếu tố chủ quan như: Tiêu chí kiểm toán của các cuộc kiểm toán chưa được xác định cụ thể ngay từ khi chọn đối tượng kiểm toán, khâu khảo sát thu thập thông tin còn sơ sài, chưa đảm bảo chất lượng… Mặc dù loại hình kiểm toán hoạt động tại Việt Nam vẫn còn rất mới mẻ song do vai trò ngày một quan trọng của kiểm toán hoạt động trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát nguồn tài chính quốc gia nên mới đây Kiểm toán Nhà nước đã thành lập Phòng Kiểm toán hoạt động với mục tiêu nâng cao chất lượng giám sát các đơn vị quản lý tài chính công, hoạt động tài chính tại các tập đoàn kinh tế nhà nước. Một trong những khó khăn không nhỏ đặt ra cho Kiểm toán Nhà nước trong quá trình áp dụng phương pháp kiểm toán hoạt động là đội ngũ Kiểm toán viên có hiểu biết về lĩnh vực này còn rất hạn chế, ngoài ra việc thiếu hệ thống cơ sở pháp lý và các văn bản hướng dẫn kiểm toán hoạt động hoàn thiện và thống nhất cũng là điểm bất lợi cho Kiểm toán Nhà nước trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Xin đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc áp dụng kiểm toán hoạt động trong các đơn vị tài chính công tại Việt Nam như sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động, bổ sung những nội dung quy định chưa rõ hoặc thiếu thống nhất trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động; bảo đảm sự phù hợp và đồng bộ về kiểm toán hoạt động giữa Luật Kiểm toán nhà nước với các luật khác có liên quan trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta.

Kiểm toán chỉ hoạt động hiệu quả trong điều kiện môi trường pháp luật hoàn chỉnh, thống nhất và ổn định. Vì vậy, việc tạo lập môi trường pháp lý ổn định, phù hợp với yêu cầu và thực tế phát triển của nền kinh tế, năng lực quản lý và các thông lệ quốc tế là hết sức cần thiết.

Hai là, tiếp tục phát triển công tác đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kiểm toán viên. Nghiên cứu, hệ thống hóa các chương trình, tài liệu trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động, nâng cao chất lượng, nội dung giáo trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng bám sát thực tiễn, cầm tay chỉ việc; tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số

lượng, có kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm thực tế đồng thời tiếp tục mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động.

Với sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức nghề nghiệp như INTOSAI, ASOSAI… mà Việt Nam với tư cách là thành viên chính thức thì việc trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp với các quốc gia phát triển, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán nói chung và tiên phong trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động nói riêng là điều kiện quan trọng giúp các kiểm toán viên trao đổi kỹ năng nghề nghiệp, tiếp cận với các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán mới, từ đó nâng cao trình độ của kiểm toán viên.

Ba là, kết hợp kiểm toán tài chính với kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Mở rộng nội dung kiểm toán hoạt động trong Luật Kiểm toán nhà nước.

Kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế do đó phát sinh nhiều vấn đề mới về tài chính và đối tượng trực tiếp của kiểm toán lĩnh vực tài chính công như: các dự toán ngân sách, các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn viện trợ nước ngoài, thực hiện theo các Hiệp định giữa các Chính phủ... thực tế này đòi hỏi cơ quan Kiểm toán Nhà nước phải đổi mới và tăng cường các phương pháp kiểm toán, bắt kịp với xu hướng phát triển của nền kinh tế.

Bốn là, nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện và nâng cao vai trò của kiểm toán hoạt động trong hệ thống chuẩn mực, quy trình kiểm toán đồng thời áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào công tác kiểm toán.■

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005;

2. TS. Phan Trung Kiên, Kiểm toán: Lý thuyết và thực hành, NXB Tài chính, 2011.

Suy ngẫm về thị trường kế toán...

(Tiếp theo trang 20)

kiểm toán cho khối ASEAN, trong đó đặc biệt là bộ chuẩn mực kế toán, kiểm toán nhà nước và kiểm toán độc lập trên nguyên tắc tuân thủ chuẩn mực chung của IFAC, của INTOSAI, lại phù hợp với môi trường luật pháp, môi trường kinh tế - xã hội, môi trường kế toán - kiểm toán của cả khu vực và có tính đến sự đa dạng của các quốc gia thành viên. Hệ thống chuẩn này sẽ là thước đo nhận thức, quy tắc ứng xử và kỹ thuật xử lý các quan hệ kế toán, kiểm toán trong cộng đồng và ở từng quốc gia. Tôi cho rằng, đây là vấn đề quan trọng bậc nhất, có vai trò quyết định sự hội nhập về kế toán, kiểm toán.

Thứ năm, vấn đề làm tròn đầy Ngũ Phúc là vấn đề con người làm kế toán, kiểm toán. Mỗi quốc gia phải tự hoàn thiện, thực thi cải cách để nền giáo dục quốc gia và hệ thống đào luyện trong thực tiễn hành nghề có thể đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ đào tạo, cán bộ quản lý và nhất là kế toán viên, kiểm toán viên hội đủ phẩm hạnh và năng lực để đảm nhận công việc kế toán, kiểm toán. Đó phải là những con người ưu tú, có đạo đức, năng lực và trái tim thánh thiện. Đó là những con người trung thực, khách quan, công tâm sẵn sàng đưa ra những thông tin sạch, những thông tin lấp lánh sự thật, đáng tin cậy, những thông tin toàn diện, đầy đủ, kịp thời, hợp pháp, hợp lý, hợp thủ tục nhằm phản ánh và chuyển tải bản chất của các hiện tượng kinh tế, tài chính. Đó là những con người thân thiện, có nguyên tắc trong hợp tác và trong hành nghề. Làm sao để chúng ta có hàng vạn con người như vậy, sẵn sàng thử lửa khi cuộc sống cộng đồng ùa tới? Nếu người Việt không sẵn sàng thì không chỉ chúng ta không thể hành nghề trên đất bạn, mà cư dân của bạn có thể giành hết chỗ làm trên chính mảnh đất hình chữ S này .

Để làm 5 việc này phải có sự chỉ đạo của Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, ban, ngành, trước hết là của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Kiểm toán Nhà nước, của Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, của VACPA, của các học viện, nhà trường. Và sau hết, quan trọng hơn hết là của bản thân những ai muốn tiếp tục làm và làm có hiệu quả công việc kế toán, kiểm toán.

Đã bước sang năm 2015, hồi chuông báo thức từ chiếc đồng hồ lớn mang tên cộng đồng ASEAN đã gõ. Thời gian không biết chờ ai, nó là nguồn lực, là cơ may, vận hội và thách thức. Hãy đừng hoang phí thời gian!...■

Tăng cường kiểm toán hoạt động nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế và kiến nghị xử lý hành vi quản lý, sử dụng lãng phí nguồn lực công tại các đơn vị được kiểm toán

THS. LÊ MINH NAM - KTNN chuyên ngành VI

Thời gian qua, những bức xúc của dư luận xã hội cũng như nỗ lực quản lý của các cơ quan công quyền dường như chỉ tập trung lên án, đưa ra các biện pháp tăng cường công tác quản lý, xử lý đối với các hành vi tham nhũng chứ chưa thật sự quan tâm nhiều đến khía cạnh phòng chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản, nguồn lực công. Nhiệm vụ chống lãng phí cho dù đã được luật hóa, đã được Đảng, Nhà nước coi trọng thông qua việc ban hành Nghị quyết, Pháp luật, các văn bản hướng dẫn và yêu cầu nghiêm túc tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, trong thực tế quản lý, điều hành giai đoạn hiện nay cho thấy, vấn đề này chưa được quan tâm tập trung giải quyết đúng mức, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, sử dụng nguồn lực công.

Nhằm mục tiêu tiếp cận, tìm hiểu thực trạng, biểu hiện và nguyên nhân lãng phí trong một số lĩnh vực để từ đó đề xuất áp dụng loại hình kiểm toán thích hợp nhằm phát hiện và phòng chống lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực công, tác giả bài viết xin trao đổi một số nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, thực trạng lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực công giai đoạn hiện nay

Lãng phí là gì? Theo quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì "Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả" và "đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN), vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định". Từ các định nghĩa về lãng phí nêu trên, soi chiếu với thực tế quản lý, sử dụng nguồn lực công hiện nay cho thấy, lãng phí có thể xảy ra ở bất cứ lĩnh vực, khu vực và tất cả các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn lực công. Chính trong tờ trình đề xuất sửa Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ cũng phải khẳng định "tình trạng lãng phí vẫn xảy ra trên nhiều lĩnh vực, từ lĩnh vực quản lý, sử dụng kinh phí NSNN chi thường xuyên; quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, đến lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước, thậm chí, lãng phí cả trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân". Ngoài ra, chúng ta còn có thể cảm nhận thấy những lãng phí nguồn lực vật chất, thời gian, cơ hội,... biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng lại không dễ tìm bằng chứng đánh giá, khẳng định một cách rõ ràng. Có thể kể đến những điển hình về lãng phí lớn nhưng khó xác định như: Việc xây dựng kế hoạch chiến lược không phù hợp, ban hành chính sách không khả thi hoặc sai lầm trong thực tế áp dụng; Tổ chức thực hiện chương trình, dự án có tính chất sự vụ, tình thế, chỉ đạt mục tiêu trước mắt nhưng thiệt hại đối với tổng thể hoặc có hại cho lâu dài; khai thác sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai...trong đó, có những lãng phí có thể đo đếm được về mặt lượng, đồng thời có loại lãng phí khó đo đếm nhưng tác động vô cùng to lớn, ảnh hưởng lâu dài, thậm chí cả thế

hệ (ví dụ như sai lầm trong chính sách giáo dục, đào tạo; phát triển không bền vững), hoặc bỏ lỡ những cơ hội hiếm khi xuất hiện (như việc không khai thác được thế mạnh của giai đoạn độ tuổi lao động "dân số vàng" nhằm phát triển kinh tế),... Trước thực trạng trên, để phòng ngừa, hạn chế và khắc phục tình trạng lãng phí, Nhà nước, các cơ quan chức năng phải nỗ lực đánh giá, nhận diện các loại lãng phí, qua đó đề ra những giải pháp khắc phục từ tổng thể cho đến cụ thể, trong phạm vi rộng cũng như xem xét giải quyết, khắc phục đến các lĩnh vực, từng tổ chức, cá nhân riêng biệt.

Thứ hai, một số biểu hiện của lãng phí và các nguyên nhân chủ yếu

Như đã trình bày tại phần trên, lãng phí biểu hiện dưới nhiều hình thức, có những lãng phí có thể dễ dàng nhận ra, nhưng cũng có những lãng phí không dễ nhận diện, đánh giá, khẳng định bằng các lập luận hoặc đưa ra các bằng chứng thuyết phục. Trong xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược về đầu tư công, hiện tượng đầu tư tràn lan nhưng hiệu quả thấp, thậm chí nhiều dự án đầu tư không mang lại hiệu quả, gây lãng phí vô cùng lớn; chiến lược đầu tư của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong một số lĩnh vực như đóng mới tàu biển, sản xuất xăng sinh học, mía đường, xi măng, công nghiệp ô tô và một số ngành nghề khác không phân tích kỹ tổng thể, đánh giá thị trường đầu vào, đầu ra, nguồn nguyên liệu... dẫn đến một số dự án đầu tư hàng nghìn tỷ nhưng hoạt động không đạt mục tiêu dự kiến, thậm chí một số dự án "đắp chiếu" không thể vận hành, tốn kém thêm chi phí khắc phục trong dài hạn, thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng cả về mặt xã hội, niềm tin của quần chúng nhân dân. Trong ban hành chính sách chế độ còn một số chính sách không khả thi, phải điều chỉnh gây tốn kém, lãng phí không chỉ nguồn lực mà cả thời gian, công sức, cơ hội... Trong trong lĩnh vực quản lý, sử dụng kinh phí NSNN chi thường xuyên, báo cáo của Chính phủ cho biết "ở một số cơ quan, đơn vị, vẫn còn tình trạng chi vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc sử dụng kinh phí sai mục đích; không thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến lãng phí hoặc sử dụng không hiệu quả kinh phí NSNN được giao làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, làm giảm hiệu quả sử dụng NSNN", cũng qua hoạt động kiểm toán của KTNN hàng năm cho thấy, KTNN đã phải kiến nghị xử lý giảm chi, thu hồi cho NSNN hàng ngàn tỷ đồng chi không đúng chế độ,... Trong hoạt động của các DNNN, ngoài những lãng phí trong đầu tư còn có những lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh như quản trị yếu kém dẫn đến những thiệt hại hữu hình, vô hình khi sản xuất dư thừa, do tồn trữ quá mức hoặc vỡ kế hoạch đầu vào, trong khâu vận chuyển, trong kiểm soát khuyết tật sản phẩm, quản trị tài chính doanh nghiệp và lãng phí cả thời gian, cơ hội cạnh tranh... Đặc biệt, lãng phí trong sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực công cũng rất lớn, như thực trạng bộ máy nhà nước cồng kềnh, đội ngũ cán bộ công chức dư thừa làm việc không hiệu quả là gánh nặng cho NSNN; trong DNNN số lượng lao động dôi dư phải chia việc, bố trí làm những việc đơn giản, chồng chéo không chỉ tạo gánh nặng chi phí mà còn là nguyên nhân gây mất đoàn kết, mất động lực làm việc của những người có đóng góp, có trách nhiệm đối với công việc...Tóm lại, biểu hiện của lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực công rất đa dạng, phong phú, có nơi, có chỗ rất tinh vi, khó phát hiện nhưng tác hại rất lớn, không kém thực trạng tham nhũng, thậm chí xét trong góc độ nào đó hậu quả đến xã hội còn lớn hơn do đặc tính vô ích, có hại đến tất cả những đối tượng mà nó tác động. Vì vậy, việc xây dựng cơ chế phát hiện, chế độ trách nhiệm, đề xuất biện pháp chế tài nghiêm minh để ngăn ngừa, hạn chế tình trạng lãng phí các nguồn lực là vô cùng cần thiết.

Phân tích về nguyên nhân gây lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn lực công cho thấy cũng có rất nhiều nguyên nhân. Theo đó, có thể tập trung vào một số nguyên nhân chủ yếu sau đây: (1) Lãng phí tiềm ẩn, có tính khách quan, phát sinh ngoài sự kiểm soát của chủ thể quản lý điều hành: Thực tế trong mỗi hoạt động đều tiềm ẩn sự không chắc chắn, những rủi ro có thể gây nên những lãng phí ngoài dự tính nên không thể chủ động phòng ngừa, loại bỏ ngay từ đầu. Lãng phí dạng này thường gắn với những các nguyên nhân có tính khách quan, đột xuất như thiên tai, địch họa, do biến động từ bên ngoài. (2) Lãng phí xuất phát từ năng lực quản lý, điều hành, trình độ của người tham mưu, đề xuất, xây dựng, quyết định các hoạt động còn non kém,

thiếu kiến thức nghiệp vụ chuyên môn dẫn đến nhận thức, hành động không đúng. (3) Do thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc độc đoán, chuyên quyền, quan liêu nên đưa ra những quyết định sai lầm. Ví dụ, trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hoặc đưa ra các quyết định đầu tư sai dẫn đến lãng phí có thể xuất phát từ việc cơ quan hoặc cá nhân đưa ra quyết định chưa thực hiện đầy đủ các quy định về việc khảo sát đánh giá thực trạng, bối cảnh và tác động dự kiến của văn bản, của quyết định đầu tư; việc phối hợp trong thẩm định, kiểm soát, tham gia góp ý của các bộ phận có liên quan thiếu chặt chẽ, thiếu trách nhiệm; quyết định do áp lực thời gian, tiến độ và bệnh thành tích; quyết định khi chưa xem xét đến lợi ích - được mất trong mối quan hệ tổng thể và mục tiêu phát triển bền vững; có những quyết định mang nặng quan điểm cá nhân của lãnh đạo cơ quan quyết định mà không xem xét đến ý kiến của các chuyên gia chuyên sâu, người có trình độ,...(4) Lãng phí xuất phát từ mục tiêu vụ lợi của người ra quyết định. Với chủ đích gian lận, xoay xở trong ban hành chính sách, trong quyết định đầu tư công, chi tiêu công, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN, trong phân công phân nhiệm, xác định trách nhiệm giải quyết công việc của một hoạt động, dự án, cơ quan đơn vị... nhằm mang lại lợi ích hoặc tạo thuận lợi cho một, một số cá nhân hoặc một tập thể nào đó, thậm chí của một ngành, một lĩnh vực có thể làm lãng phí, thất thoát NSNN, nguồn lực vật chất khác hoặc gây tốn kém thời gian, nguồn nhân lực của Nhà nước, người dân, các đối tượng có liên quan và của cả xã hội; (5) Đặc biệt nghiêm trọng, ở mức độ cao hơn là lãng phí phát sinh do chủ đích, mục tiêu tham ô, tham nhũng tiền bạc, tài sản công. Có những quyết định không nhằm mục tiêu chính thống thể hiện trên giấy tờ mà thực chất là nhằm "rút ruột", nhận "lại quả", hoặc có sự mua bán, đổi chác để mang lại lợi ích về vật chất, tinh thần, vị trí cho một số đối tượng. Hoặc vì mục tiêu "rút ruột" 10, 20% tổng giá trị dự án, hoạt động nên dù biết không hiệu quả nhưng họ vẫn quyết định dẫn đến thiệt hại cả 80, 90% giá trị còn lại. Đối với nhóm nguyên nhân thứ (4) và (5) cho dù để lại hậu quả, đáng bị lên án và xử lý nhưng để làm rõ lại rất khó, đặc biệt là việc xác định ranh giới giữa nguyên nhân khách quan, hạn chế năng lực và yếu tố chủ quan, vụ lợi. Trong chừng mực nào đó, khó khăn từ xác định nguyên nhân để xử lý trách nhiệm cần được chủ động khắc phục thông qua việc Nhà nước, các cơ quan chức năng phải quyết liệt đề ra các giải pháp phòng ngừa, hạn chế, răn đe, xử lý nhằm giảm thiểu những lãng phí từ các nhóm nguyên nhân này.

Thứ ba, vai trò của Kiểm toán nhà nước (KTNN) trong phát hiện, kiến nghị xử lý các sai phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Theo Hiến pháp 2013, Luật KTNN và một số văn bản pháp luật có liên quan, KTNN có chức năng thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Đặc biệt, điều 74 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 có hiệu lực từ 01/7/2014 cũng quy định, KTNN có trách nhiệm thực hiện kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật cũng quy định KTNN phải công khai kết quả kiểm toán liên quan đến thực hành tiết kiệm chống lãng phí và xử lý sai phạm đối với các hành vi này. Như vậy, trước thực trạng về lãng phí trong hoạt động quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; trước những yêu cầu về trách nhiệm, nhiệm vụ của KTNN và căn cứ pháp lý cho việc tổ chức thực hiện kiểm toán phòng chống và xử lý các sai phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công đặt ra đòi hỏi phải tăng cường công tác kiểm toán đối với đối tượng này. Vẫn biết để đạt được những kết quả tích cực ngay lập tức là vô cùng khó khăn nhưng rõ ràng đây là đòi hỏi bức thiết, đặc biệt trong điều kiện KTNN đang nỗ lực đưa ra các giải pháp cải thiện hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng sự mong đợi, kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

Thứ tư, đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm phát hiện, xử lý các sai phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động kiểm toán của KTNN

KTNN đã và đang thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công thông qua 3 loại hình kiểm toán: tài chính, tuân thủ và hoạt động. Việc áp dụng riêng hoặc kết hợp các loại hình kiểm toán tùy thuộc mục tiêu, nội dung, đối tượng của từng cuộc kiểm toán cụ thể. Tuy nhiên,

thời gian qua KTNN chủ yếu thực hiện kiểm toán xác nhận thông tin tài chính, báo cáo tài chính (kiểm toán tài chính), kiểm toán để kiểm tra, đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện (kiểm toán tuân thủ); riêng loại hình kiểm toán hoạt động mới chỉ tham gia với mức độ rất khiêm tốn. Hiện nay, trước đòi hỏi cải thiện kết quả, chất lượng công tác kiểm toán, KTNN đang có những giải pháp cụ thể, quyết liệt nhằm tăng cường áp dụng loại hình kiểm toán hoạt động một cách toàn diện từ xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý, tổ chức nhân sự cho đến đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Xét trên góc độ đặc điểm, yêu cầu của loại hình kiểm toán hoạt động, đối chiếu với đặc điểm, tính chất, biểu hiện và nguyên nhân của lãng phí đã được trình bày cho thấy, tăng cường áp dụng loại hình kiểm toán hoạt động đặc biệt thích hợp với việc thực hiện mục tiêu phát hiện, kiến nghị xử lý các sai phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động kiểm toán của KTNN.

Một số giải pháp tăng cường áp dụng loại hình kiểm toán hoạt động trong kiểm toán phòng, chống lãng phí

Một là, KTNN cần định hướng xác định đối tượng kiểm toán (khu vực, phạm vi, hoạt động có nguy cơ cao/hoặc thường xảy ra lãng phí) để các đơn vị trong ngành có căn cứ tập trung nắm bắt thông tin, dự kiến đề xuất kế hoạch một cách chủ động gắn mới yêu cầu chung của ngành. Có thể định hướng cho các đơn vị: (1) Xác định nhóm đối tượng tiềm ẩn nguy cơ lãng phí cao (các hoạt động, dự án đầu tư, chi tiêu công dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí; hoạt động quản lý khai thác những tài nguyên khoáng sản có đặc thù khó kiểm soát với Nhà nước nhưng dễ tạo ra sự tùy tiện của người trực tiếp quản lý, khai thác; việc sử dụng đất đai ở một số khu vực có giá trị lợi thế; công tác sử dụng nguồn nhân lực ở một số tổ chức công có chức năng không quan trọng, kết quả hoạt động thấp nhưng số lượng nhân sự nhiều; việc quản lý sử vốn tài sản nhà nước trong một số hoạt động của DNNN…). (2) Xác định "vùng" lãng phí theo các bước của quá trình tổ chức quản lý sử dụng tài chính, tài sản công (như trong khâu ban hành tiêu chuẩn định mức chế độ; trong lập thẩm định phê duyệt dự án, dự toán; trong đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị vật tư; trong tổ chức đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chi tiêu công; trong thanh quyết toán đầu tư, chi tiêu; trong giai đoạn quản lý sử dụng tài sản, khai thác vận hành dự án,…). (3) Tập trung đánh giá những văn bản, chính sách, quyết định liên quan đến việc sử dụng nguồn lực lớn, tác động phạm vi rộng hoặc khó kiểm soát, có thể tạo nên cơ chế xin cho hoặc có biểu hiện lợi ích nhóm, ngành…để có thể quyết định lựa chọn đối tượng kiểm toán; (4) Xác định đối tượng thông qua phân tích yêu cầu quản lý của Nhà nước, xem xét thông tin thể hiện bức xúc của dư luận xã hội. Khi phân tích có thể đánh giá sơ bộ hiệu quả, hiệu lực, tác động của các hoạt động quản lý sử dụng nguồn lực công để logic ngược từ kết quả tìm nguyên nhân nhằm xác định đối tượng, chủ đề kiểm toán thích hợp…Từ những định hướng chung của KTNN nêu trên, các đơn vị tham mưu, KTNN chuyên ngành, khu vực sử dụng kinh nghiệm, kỹ năng phân tích xét đoán, kết quả kiểm toán các năm trước hoặc qua tiếp nhận, xử lý các kênh thông tin phù hợp nhằm tập trung vào những vấn đề quan trọng, có nguy cơ tiềm ẩn sai phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cao để xác định các đối tượng, nội dung, chủ đề kiểm toán phù hợp.

Hai là, lựa chọn chủ đề kiểm toán tổng thể, trung dài hạn, từ đó cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, đối tượng kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán năm và kế hoạch kiểm toán cho từng cuộc kiểm toán (áp dụng loại hình kiểm toán hoạt động về chống lãng phí): Để đảm bảo cho công tác kiểm toán chống lãng phí không trở thành sự vụ, nhỏ lẻ, thiếu liên kết, KTNN cần huy động các đơn vị trực thuộc cùng tham gia lựa chọn các chủ đề kiểm toán có tính tổng thể, trung dài hạn trong lĩnh vực, đối tượng kiểm toán mà các đơn vị phụ trách (gắn với những định hướng nêu trên). Phân công Vụ Tổng hợp làm đầu mối tổng hợp, kết nối, cùng các đơn vị cân đối lựa chọn các chủ đề kiểm toán phòng chống lãng phí gắn với nhiệm vụ kiểm toán trung dài hạn và kế hoạch năm của toàn ngành. Việc xác định chủ đề kiểm toán gắn với tổng thể, kế hoạch trung dài hạn sẽ đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện kiểm toán đồng bộ, chủ động, tạo ra kết quả vừa chuyên sâu vừa phục vụ cho tổng thể, có thể điều chỉnh rút kinh nghiệm để hoàn thiện theo cả

một quá trình. Đặc biệt, kết thúc từng giai đoạn có thể sử dụng kết quả dồn tích để tổng hợp các báo cáo quan trọng gửi các cơ quan có thẩm quyền; đưa ra kiến nghị, đề xuất các giải pháp quản lý thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên phạm vi rộng hơn, vĩ mô hơn so với việc tổ chức thực hiện đơn lẻ, rời rạc theo từng đơn vị, theo từng sự vụ cụ thể…

Ba là, cần nghiên cứu cách thức tổ chức kiểm toán phù hợp với kế hoạch tổng thể, trung dài hạn của ngành và đặc thù từng nhóm đối tượng kiểm toán: Tùy thuộc vào kết quả xác định đối tượng, chủ đề kiểm toán phòng chống lãng phí, từ dự kiến kế hoạch kiểm toán tổng thể của ngành và việc xem xét thực tế yêu cầu kiểm toán phòng chống lãng phí với từng đối tượng cụ thể, KTNN có thể tổ chức các cuộc kiểm toán phòng chống lãng phí riêng biệt (riêng một cuộc kiểm toán hoạt động, kiểm toán chuyên đề), có thể lồng ghép với các cuộc kiểm toán khác hoặc kết hợp vừa riêng biệt, vừa lồng ghép để có thể thực hiện trên phạm vi rộng, tổng quát và khai thác nhiều khía cạnh hơn. Tương tự, việc tổ chức thực hiện kiểm toán có thể giao cho một đơn vị chịu trách nhiệm nhưng có thể huy động sự phối hợp của nhiều đơn vị trong ngành. Việc dự kiến phân công, phối hợp cũng cần phải tính đến ngay từ khâu xác định đối tượng, chủ đề kiểm toán nhằm chủ động trong điều phối kế hoạch chung của toàn ngành.

Bốn là, cần định hướng xác định các tiêu chí kiểm toán chống lãng phí phù hợp: Do hiện nay, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và một số văn bản pháp luật chủ yếu chỉ xác định cơ sở đánh giá, xử lý hành vi lãng phí là hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và tiêu chuẩn, chế độ, dự toán (đã được người có thẩm quyền phê duyệt) trong hoạt động quản lý sử dụng tài chính công. Ngoài ra, Luật cũng quy định các cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước, vốn, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên, lao động trong khu vực nhà nước phải có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đây chính là các tiêu chí quan trọng, có tính pháp lý được lựa chọn để thực hiện kiểm toán, đưa ra ý kiến, kiến nghị kiểm toán. Tuy nhiên, trong thực tiễn quản lý và những nội dung đã phân tích về thực trạng, biểu hiện và nguyên nhân lãng phí cho thấy, có rất nhiều dạng lãng phí không có (hoặc không có sẵn) tiêu chí để so sánh, đánh giá. Vì vậy, để có thể bày tỏ ý kiến, đưa ra kiến nghị kiểm toán với những dạng lãng phí này, KTNN cần định hướng xây dựng các tiêu chí kiểm toán thích hợp ngoài các tiêu chí đã có theo quy định của pháp luật. Những tiêu chí mới xây dựng, sử dụng cho công tác kiểm toán phải đáp ứng yêu cầu gắn với thực tế, khách quan, toàn diện, hữu ích và tin cậy, cụ thể và định lượng, có thể so sánh, dễ hiểu và phải được thừa nhận. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng đòi hỏi KTNN phải định hướng, hướng dẫn nhằm tạo điều kiện để các kiểm toán viên nhà nước sử dụng kiến thức kỹ năng xây dựng các tiêu chí kiểm toán phù hợp, có tính thuyết phục và hiệu lực.

Năm là, KTNN cần định hướng về việc thu thập các bằng chứng về sai phạm lãng phí đầy đủ, thích hợp để đảm bảo thuyết phục và có tính khả thi; cần hướng dẫn các hình thức kiến nghị phù hợp, gắn với từng mức độ sai phạm cụ thể. Theo đó, các hình thức kiến nghị chủ yếu là: Xử lý tài chính liên quan đến lãng phí (cụ thể theo sai phạm, có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại); đề xuất giải pháp quản trị để thực hành tiết kiệm, quản lý sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn; kiến nghị biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa, khắc phục hậu quả; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân (cả tập thể, cá nhân ban hành tiêu chuẩn định mức, quyết định dự án, ban hành chính sách và tập thể, cá nhân tổ chức thực hiện); kiến nghị xử lý hành chính, kỷ luật hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan bảo vệ pháp luật để điều tra, xử lý trách nhiệm hình sự. Hướng dẫn kiến nghị xử lý đòi hỏi phải gắn với sai phạm cụ thể, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Đặc biệt, đòi hỏi phải nhất quán trong xử lý để đáp ứng yêu cầu khách quan, công bằng, đúng người, đúng việc, đúng trách nhiệm, hạn chế các tranh chấp và rủi ro kiểm toán.

Sáu là, tiến hành công khai minh bạch kết quả kiểm toán theo quy định của Luật KTNN, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.■

Tài liệu tham khảo:

- Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Tài liệu trình sửa Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Trang thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính; Báo Điện tử của một số cơ quan,...

Bàn thêm về đánh giá tính hiệu quả của quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước do KTNN thực hiện

THS. TRẦN PHƯƠNG THÙY
Khoa Kế toán, Kiểm toán - Học viện Ngân hàng

Theo Quyết định số 929/QĐ-TTg, ngày 17/7/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án *"Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015"*. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) phải tiến hành tái cơ cấu doanh nghiệp một cách toàn diện tập trung vào các nội dung lớn là: tái cơ cấu về ngành nghề kinh doanh, cơ cấu, mô hình tổ chức phân loại và sắp xếp lại doanh nghiệp; tái cơ cấu về tài chính đặc biệt là vấn đề cơ cấu lại nợ và thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; tái cơ cấu về quản trị, lao động. Rõ ràng để tái cơ cấu thành công cần có lộ trình cho từng giai đoạn nhỏ. Quá trình tái cơ cấu diễn ra thế nào, có phù hợp hay không và liệu sau tái cơ cấu các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn không? Để quá trình tái cơ cấu thành công và tạo ra bước chuyển mình thực sự cho các DNNN mà không phải là biện pháp tạm thời thì cần có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên. Kiểm toán Nhà nước (KTNN) là lực lượng không thể thiếu cho quá trình trên. Bài viết xin được *"Bàn thêm về đánh giá tính hiệu quả của quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước do KTNN thực hiện"*.

Hoạt động tái cơ cấu đã khởi động từ năm 2012. Do đó, quá trình tái cơ cấu các DNNN cần được đánh giá theo trình tự: đánh giá việc xây dựng đề án tái cơ cấu trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đánh giá kết quả thực hiện tái cơ cấu các DNNN theo đề án được phê duyệt; đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau khi thực hiện tái cơ cấu. Việc đánh giá tính hiệu quả của quá trình tái cơ cấu các DNNN cũng cần được tiến hành theo trình tự này. Thông qua quá trình đánh giá, các kiểm toán viên (KTV) sẽ đánh giá được những điểm chưa hợp lý trong xây dựng đề án tái cơ cấu, những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện đề án, trên cơ sở đó KTNN đưa ra kiến nghị kịp thời để quá trình tái cơ cấu đạt hiệu quả.

Công tác xây dựng đề án tái cơ cấu trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, hiệu quả của công tác này được đánh giá bằng việc đề án tái cơ cấu được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hiệu quả lâu dài của đề án là quá trình tái cơ cấu thành công, các doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh tốt. Bên cạnh đó các kiểm toán viên (KTV) cần chú ý tới chi phí của công tác này để đảm bảo chi phí dùng cho hoạt động xây dựng đề án là phù

hợp tránh lãng phí. Các KTV cần lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá kết quả của công tác xây dựng đề án thông qua những quy định về nhiệm vụ và giải pháp đã được định hướng tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Các chỉ tiêu có thể được sử dụng như: thời gian xây dựng đề án, tổng chi phí dùng cho xây dựng đề án là bao nhiêu…..

Bên cạnh đó, để đánh giá tính hiệu quả của đề án thì KTV cần kiểm tra, đối chiếu, so sánh việc xây dựng đề án có đáp ứng mục tiêu đòi hỏi, định hướng gắn với những chỉ tiêu đã lựa chọn hay không, mức độ đạt được thế nào. Từ đó, các KTV tiến hành phân tích và chỉ rõ những tồn tại, khiếm khuyết trong xây dựng đề án. Việc thực hiện kiểm toán nội dung này cần được thực hiện ngay thông qua lồng ghép kiểm toán với kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của các DNNN.

Đề án tái cơ cấu DNNN có 3 nội dung lớn của: tái cơ cấu về tổ chức, tái cơ cấu về tài chính và tái cơ cấu về quản trị doanh nghiệp. *Trong công tác kiểm toán hoạt động thực hiện đề án tái cơ cấu, hiệu quả của công tác này được đánh giá thông qua đánh giá về hiệu quả hoạt động tài chính, tổ chức và quản trị doanh nghiệp và hiệu quả sản xuất kinh doanh.*

Với tái cơ cấu về tài chính, KTNN cần tập trung vào quá trình thoái vốn ra ngoài doanh nghiệp của các DNNN và cơ cấu lại nợ, đầu tư thêm. Trong thời gian qua hoạt động đầu tư của các DNNN kém hiệu quả gây lãng phí do các DNNN tập trung đầu tư theo diện rộng ra các doanh nghiệp ngoài ngành. Sự đầu tư tràn lan đã làm giảm khả năng cạnh tranh và định hướng dẫn dắt thị trường của các DNNN. Vì vậy, khi KTV đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động đầu tư thì cần đánh giá việc thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả như thế nào? Bản chất của quá trình thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành là cắt lỗ đối với những hoạt động đầu tư không hiệu quả và tăng khả năng cạnh tranh, tập trung vốn hướng tới hiệu quả trong đầu tư của các DNNN. Việc thoái vốn khỏi lĩnh vực sản xuất kinh doanh (SXKD) ngoài lĩnh vực kinh doanh chính có thể thực hiện bằng cách bán, khoán, cho thuê, sáp nhập, giải thể. Trong giai đoạn hiện nay, quá trình thoái vốn của các khoản đầu tư ngoài ngành không hiệu quả đang được triển khai. Do đó, các KTV cần kiểm tra, rà soát sự hợp lý của lộ trình thoái vốn thực hiện kết hợp với kiểm toán tuân thủ thông qua kiểm tra trình tự, thủ tục thoái vốn đầu tư ngoài ngành (đặc biệt là các khoản đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, bất động sản) có đảm bảo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch theo các quy định hiện hành hay không? Hiệu quả của quá trình thoái vốn chính là hiệu quả kinh tế của các doanh

nghiệp sau khi thoái vốn. Nếu các khoản đầu tư ngoài ngành này được bán, khoán hoặc cho thuê thì số tiền thu được từ thoái vốn được sử dụng và tái đầu tư ra sao? Các khoản đầu tư mới ra sao? KTNN cũng cần theo dõi quá trình hiệu quả SXKD, hiệu quả đầu tư của các khoản này trong năm 2014 thông qua kiểm toán BCTC.

Trong tái cơ cấu về tài chính, KTNN cũng cần quan tâm tới đầu tư mới. Các KTV cần đánh giá sự phù hợp của các phương án đầu tư với điều kiện của doanh nghiệp, đối với đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp các KTV cần xem xét cơ cấu vốn đầu tư thông qua đối chiếu so sánh mức góp vốn có phù hợp không (không vượt quá 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp). KTV có thể tính toán các chỉ tiêu như sức sinh lợi của các khoản đầu tư qua các năm (lợi nhuận của các khoản đầu tư/ tổng số vốn đầu tư) để đánh giá hiệu quả của các khoản đầu tư này và khảo sát hoạt động đầu tư này trên thị trường để có nhận định phù hợp.

Với cơ cấu lại nợ, và các khoản đầu tư thêm thì KTV cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá để so sánh các chỉ tiêu đó tại các mốc thời gian như thời điểm lập đề án, thời điểm cuối năm tài chính cũng như các mục tiêu đưa ra và mức độ thực hiện trên thực tế so với mục tiêu; từ đó đánh giá mức độ đạt được trên thực tế để KTV đưa ra những kiến nghị cụ thể giúp cho đơn vị thực hiện đề án đúng hướng và có hiệu quả.

Với cổ phần hóa, KTNN cần tập trung vào kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán xác định giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Hiệu quả hoạt động thực hiện đề án của tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp được đánh giá thông qua việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ; việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành; đẩy mạnh đào tạo nhân lực; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong SXKD, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí SXKD; nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; KTV thu thập bằng chứng thông qua quá trình kiểm tra tài liệu, quan sát, phỏng vấn. KTV cần quan tâm tới việc tổ chức và sắp xếp lại doanh nghiệp: sáp nhập các doanh nghiệp làm ăn không hiệu

quả hay quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp, chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

Khi đánh giá về hiệu quả của tổ chức và quản trị doanh nghiệp, KTV cũng cần chú ý tới đội ngũ lãnh đạo sau cổ phần hóa. Rất nhiều DNNN sau khi cổ phần hóa chỉ đổi tên gọi mới, với đa số những người quản lý cũ với vị trí quản lý quen thuộc, phong cách quản lý truyền thống. Điều này sẽ cản trở sự phát triển của doanh nghiệp, hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp sẽ thấp. Vì vậy, khi đánh giá hiệu quả quản trị doanh nghiệp, KTV không thể bỏ qua việc đánh giá bộ máy quản lý, và kiểm tra về phương thức trả lương, thưởng cho lãnh đạo trong doanh nghiệp, từ đó KTV mới có thể đưa ra những kiến nghị tốt nhằm nâng cao năng lực quản lý và góp phần tạo ra thành công trong tái cơ cấu DNNN.

Kiểm toán về cổ phần hóa DNNN được thực hiện lồng ghép với kiểm toán BCTC thông qua kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó KTV cần xem xét đánh giá năng suất lao động của từng nhân viên, hay chất lượng và hiệu quả công việc của từng nhân viên; chi phí SXKD... trước và sau khi quá trình tái cơ cấu.

Đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD, các KTV cần thu thập thông tin, tài liệu tính toán và phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD thông qua các chỉ tiêu: tổng doanh thu, thu nhập/tổng lợi nhuận; tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu; tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra; sức sản xuất của tài sản cố định trực tiếp sản xuất; sức sản xuất của tài sản cố định đầu tư mới…

KTV cũng cần quan tâm tới các khoản nợ phải thu trong đó cần xác định nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi; hay các khoản nợ phải trả (nợ quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán…); KTV tính toán phân tích các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành; tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn…

KTV tiến hành tính toán các chỉ tiêu này và so sánh với thời điểm trước khi triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu để đánh giá hiệu quả của tái cơ cấu về mặt tài chính. Đồng thời phân tích nguyên nhân của sự biến động các chỉ tiêu cũng như những nhân tố tác động tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các KTV cần quan tâm tới khả năng cạnh tranh của đơn vị trước và sau khi thực hiện đề án qua chỉ tiêu về sản lượng và doanh số tiêu thụ.

Việc thực hiện kiểm toán nội dung trên trong giai đoạn này cần được thực hiện ngay thông qua lồng ghép kiểm toán với kiểm toán BCTC của các DNNN để phục vụ cho đánh giá về hiệu quả SXKD và kiểm toán tuân thủ để đảm bảo quá trình tái cơ cấu đi đúng hướng với đề án được phê duyệt.

Tái cơ cấu DNNN là bước đi không thể thiếu trong quá trình xây dựng và phát triển DNNN theo hướng hiệu quả, bền vững. Quá trình này đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều bộ, ban, ngành và KTNN là lực lượng không thể thiếu. Bài toán hiệu quả của tái cơ cấu DNNN luôn được quan tâm. Khi đánh giá hiệu quả của tái cơ cấu DNNN thì KTNN cũng cần kết hợp cả 3 loại hình kiểm toán: kiểm toán BCTC, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động. Mức độ kết hợp các loại kiểm toán và phương pháp kiểm toán mà KTNN tiến hành cần phải đặt trong hoàn cảnh cụ thể của từng DNNN. Quá trình tái cơ cấu sẽ hoàn thành vào năm 2015 nhưng KTNN cũng cần triển khai công tác kiểm toán về tính hiệu quả của tái cơ cấu DNNN ngay từ năm 2014 thông qua kiểm toán BCTC và kiểm toán tuân thủ. Sau khi quá trình tái cơ cấu hoàn thành KTNN cũng cần duy trì thường xuyên về việc đánh giá hiệu quả hoạt động các DNNN thông qua các cuộc kiểm toán chuyên đề.■

Tài liệu tham khảo:

1. GS.TS.Nguyễn Quang Quynh, Kiểm toán hoạt động, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009

2. GS.TS.Nguyễn Quang Quynh, TS.Nguyễn Thị Phương Hoa, Lý thuyết kiểm toán, Tái bản lần 6, NXB Tài chính, Hà Nội, 2008.

3. ThS. Lê Minh Nam, Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VI " Một số vấn đề xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức kiểm toán tái cơ cấu DNNN", Hội thảo Tổ chức kiểm toán quá trình thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, 2013.

4. http://www.sav.gov.vn

5. http://www.saga.vn.

6. http://www.khoahockiemtoan.vn.

7. http://www.tapchiketoan.com

Bảo hiểm xã hội Việt Nam:
Nỗ lực cải thiện và nâng cao chất lượng

THÙY LÊ

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, năm 2011 Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXHVN) đã thực hiện nhiều biện pháp chủ động, hiệu quả đảm bảo hoàn thành dự toán được giao; đồng thời phát triển đối tượng tham gia các quỹ Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm Y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN). Đây là những kết quả nổi bật trong báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2011 của BHXHVN.

Thu, chi đạt kết quả tích cực

Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu cho BHXHVN là 105,4 nghìn tỷ đồng, thực hiện đạt 112,8 nghìn tỷ đồng, bằng 106,9% so với dự toán và bằng 124,5% so với thực hiện năm 2010. Hầu hết các chỉ tiêu dự toán thu của BHXHVN đều thực hiện đạt và vượt so với dự toán được giao, tăng cao so với thực hiện năm 2010. Cụ thể: Thu BHXH bắt buộc đạt 62 nghìn tỷ đồng, bằng 107,3% so với dự toán, bằng 124,8% so với thực hiện năm 2010; Thu BHXH tự nguyện đạt 251,2 tỷ đồng, bằng 126,9% so với dự toán, bằng 144,1% so với thực hiện năm 2010; Thu BHTN 6,7 nghìn tỷ đồng, bằng 118% so với dự toán, bằng 124,9% so với thực hiện năm 2010; Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư thực hiện đạt 14,1 nghìn tỷ đồng, bằng 117% so với dự toán, bằng 145,5% so với thực hiện năm 2010; Thu BHYT là 29,4 nghìn tỷ đồng, bằng 98,8% so với dự toán, bằng 115% so với thực hiện năm 2010.

Báo cáo kiểm toán đã chỉ rõ, công tác thu của BHXH đạt được kết quả khả quan như trên do nhiều nguyên nhân như: nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN đã có chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ thu của cơ quan BHXH. Việc khai thác, mở rộng đối tượng tham gia cả ba loại hình bảo hiểm được BHXH các tỉnh, thành phố chú trọng và triển khai nhiều biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả; Sự phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn để kiểm tra, chấn chỉnh đối với thực hiện tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc cho người lao động và các đơn vị chậm nộp được tăng cường. Bên cạnh đó, việc áp dụng tính thu lãi phạt chậm đóng và làm các thủ tục khởi kiện ra tòa đối với các khoản nợ vượt quá thời gian quy định cũng góp phần làm tăng nguồn thu.

Việc thực hiện dự toán chi của BHXHVN năm 2011 cũng đạt kết quả tích cực. Dự toán chi Chính phủ giao là 72 nghìn tỷ đồng, BHXHVN thực hiện đạt 73 nghìn tỷ đồng, bằng 101,4% so với dự toán, bằng 130% so với thực hiện năm 2010. Một số chỉ tiêu dự toán thực hiện đạt và vượt so với dự toán được giao như chi BHTN (178,8%), chi khám chữa bệnh BHYT (103,7%).

Trong năm, BHXHVN đã thực hiện công khai dự toán và thực hiện đổi mới trong việc cấp kinh phí chi BHXH, khám chữa bệnh BHYT, quản lý bộ máy cho các đơn vị theo hướng bám sát dự toán, thời gian và nhu cầu chi trả thực tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả của các đơn vị. Bên cạnh đó, BHXH các tỉnh, thành phố cũng chấn chỉnh công tác quản lý đối tượng, giải quyết các chế độ BHXH và tổ chức chi trả lương hưu các chế độ BHXH bảo đảm kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người thụ hưởng

thông qua việc đa dạng hóa các hình thức chi trả, đặc biệt là qua tài khoản ATM, thay cho chi trả trực tiếp. BHXH cấp quận, huyện đã phối hợp chặt chẽ với đại diện chi trả để nắm bắt kịp thời tình hình chi trả tại cơ sở, tổ chức kiểm tra người hưởng kết hợp với kiểm tra công tác chi trả các chế độ BHXH tại xã, phường nên hiện tượng cắt giảm chậm đã có nhiều chuyển biến. Trong năm, BHXHVN cũng đã đảm bảo chi khám chữa bệnh BHYT cho hơn 114,4 triệu lượt người, giúp các đối tượng là người nghèo, người có công giảm đáng kể gánh nặng về tài chính khi ốm đau, bệnh tật.

Chủ động phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm

Việc phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN của ngành BHXH cũng được KTNN đánh giá là đã có nhiều chuyển biến tích cực. Toàn ngành đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong năm; chủ động áp dụng nhiều biện pháp hiệu quả để phát triển đối tượng, như: chủ động khảo sát số DN đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; thường xuyên cử cán bộ trực tiếp đến các đơn vị, DN tuyên truyền và hướng dẫn thủ tục tham gia, phương thức thu nộp để chủ sử dụng lao động và người lao động nắm được quyền lợi của mình khi tham gia BHXH, BHYT. BHXH các tỉnh, thành phố thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh và phối hợp với các sở, ban ngành liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu... Nhờ đó, năm 2011 có 57,13 triệu người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, tăng 8,84% so với năm 2010. Số đối tượng tham gia các quỹ bảo hiểm đến ngày 31/12/2011 đều tăng so với năm 2010. Trong đó, số đối tượng tham gia BHXH bắt buộc bằng 107%; số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện bằng 118,5%. Tổng số đối tượng tham gia BHYT cũng tăng so với năm 2010, đạt trên 57 triệu người, trong đó đối tượng tham gia BHYT bắt buộc tăng 8%; tham gia BHYT tự nguyện tăng 19,9%. Tổng số đối tượng tham gia BHTN tăng 10,6% so với năm 2010 nên số thu Quỹ BHTN cũng tăng 46% và bằng 138,2% so với dự toán giao.

Tuy đã có những chuyển biến tích cực song theo đánh giá của Kiểm toán Nhà nước (KTNN), công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN còn những bất cập. Theo đó, do

chưa có quy định và quy chế phối hợp với các đơn vị có liên quan từ Trung ương đến địa phương nên số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT chưa được xác định và quản lý đầy đủ. Cùng với đó, việc tuyên truyền, phổ biến chính sách về BHXH tự nguyện còn hạn chế. Số người tham gia BHYT tự nguyện còn thấp nên tỷ lệ bao phủ BHYT mới chỉ đạt trên 64% dân số, vẫn còn 36% dân số chưa có BHYT, trong đó bao gồm cả số đối tượng tham gia BHYT theo lộ trình do luật quy định và số đối tượng phải tham gia nhưng không tham gia đầy đủ. Số đối tượng tham gia BHYT được NSNN đóng chiếm 51% số người tham gia BHYT và chiếm 40,9% tổng số thu về. Đối với việc phát triển đối tượng tham gia BHTN cũng còn nhiều lúng túng trong việc xác định đối tượng tham gia BHTN. Đặc biệt, tình trạng nợ đọng, chậm đóng các quỹ bảo hiểm xảy ra ở hầu hết các tỉnh, thành phố. KTNN đã yêu cầu BHXHVN hướng dẫn các đơn vị mở sổ kế toán để theo dõi và hạch toán các khoản phải thu về nợ tiền đóng các quỹ bảo hiểm, kể cả tiền lãi phạt do chậm đóng theo quy định.

Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của KTNN

Bên cạnh những kết quả tích cực trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2011 của BHXHVN cũng chỉ ra nhiều tồn tại, bất cập, điển hình là việc cấp trùng thẻ BHYT gây lãng phí NSNN; những tồn tại trong công tác thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT... Những tồn tại này đã và đang được BHXHVN phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan quyết liệt khắc phục theo kiến nghị của KTNN.

Khắc phục tình trạng cấp trùng thẻ BHYT

Việc phát hiện tình trạng cấp trùng thẻ BHYT là một trong những kết quả nổi bật trong báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách của BHXH Việt Nam năm 2011. Theo đó, qua kiểm toán đã phát hiện một thực tế khá phổ biến tại hầu hết các tỉnh, thành phố đó là một người do cùng nằm trong nhiều diện đối tượng được hưởng thẻ BHYT từ nguồn NSNN chi trả nên đã được cấp nhiều thẻ BHYT. Thực hiện kiểm toán chọn mẫu tại 7 cơ quan BHXH tỉnh, thành phố, KTNN đã phát hiện và kiến nghị thu hồi, hoàn trả NSNN số tiền gần 6,5 tỷ đồng.

Thực hiện nghiêm túc kiến nghị của KTNN, ngày 30/01/2013, BHXH Việt Nam đã ban hành công văn về việc tổng kiểm tra, rà soát cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT. Theo đó, BHXH các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương để rà soát lại toàn bộ các đối tượng chính sách được NSNN hỗ trợ kinh phí đóng BHYT nhưng đã cấp thẻ BHYT trùng, thu hồi kinh phí cấp trùng để hoàn trả NSNN. Kết quả tổng hợp báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, tổng số thẻ BHYT cấp trùng cho 13 nhóm đối tượng chính sách năm 2011 là 674.352 thẻ, tương ứng với số tiền là 255,1 tỷ đồng; năm 2012 tổng số thẻ cấp trùng là 658.853 thẻ, tương ứng với số tiền là 307,7 tỷ đồng.

Về thực hiện thu hồi kinh phí hoàn trả NSNN do cấp trùng thẻ BHYT theo kiến nghị của KTNN, theo báo cáo kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán của KTNN năm 2012 tại BHXH Việt Nam, tính đến thời điểm kiểm tra (tháng 9/2013), BHXH Việt Nam đã thực hiện thu hồi hoàn trả NSNN số tiền trên 3,1 tỷ đồng.

Giải quyết những bất cập trong thanh toán BHYT

Qua kết quả kiểm toán, KTNN đã kiến nghị BHXHVN thành lập đoàn kiểm tra, thực hiện kiểm tra đối với các phát hiện của KTNN gồm: trên 16.300 lượt trường hợp trùng mã thẻ, trùng ngày điều trị nội trú và ngoại trú; 2.416 lượt trường hợp 1 mã thẻ nhưng lại có 2 tên tại bệnh viện Chợ Rẫy, TP. Hồ Chí Minh; 84 trường hợp có thể cấp sai mã thẻ, sai mã quyền lợi; kiểm tra, xác định thanh toán chi phí thuốc khám chữa bệnh BHYT ngoại trú, chi phí dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh BHYT ngoại trú năm 2011 của bệnh viện Bạch Mai để xử lý theo quy định.

Thực hiện kiến nghị trên, BHXHVN đã giao Trung tâm giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến tổ chức đoàn kiểm tra tại bệnh viện Chợ Rẫy và đã làm rõ những phát hiện của KTNN; yêu cầu bệnh viện nghiêm túc chấn chỉnh và khắc phục, chuyển các trường hợp sai mã thẻ, sai mã quyền lợi về nơi phát hành thẻ đối chiếu, rà soát. Đối với bệnh viện Bạch Mai, trên cơ sở kết quả kiểm tra BHXHVN đã thu hồi về Quỹ BHYT số tiền 166 triệu đồng do áp sai giá thuốc dịch vụ kỹ thuật.■

Quan điểm và xu hướng của kiểm toán nội bộ trong năm 2015

NGỌC QUỲNH

Grant Thornton, một trong những tổ chức hàng đầu thế giới về kiểm toán và tư vấn thuế vừa qua đã công bố kết quả cuộc khảo sát được thực hiện trên 300 kiểm toán viên nội bộ thuộc các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tại Mỹ nhằm tìm hiểu những xu hướng của nghề nghiệp trong năm 2015.

Với xu hướng đem lại nhiều giá trị hơn cho tổ chức, các kiểm toán viên nội bộ (KTV) đang thích ứng với những nhu cầu luôn thay đổi của nghề nghiệp. Các KTV đang nỗ lực để cân bằng lại những hoạt động của mình và khôi phục lại sự phân bổ đồng đều các nguồn lực giữa kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Kiểm toán nội bộ hiện nay không chỉ thực hiện những hoạt động truyền thống xuất phát từ các vấn đề tuân thủ và biện pháp kiểm soát, mà còn tập trung vào các trách nhiệm như đánh giá rủi ro mới và bảo đảm quản trị doanh nghiệp phù hợp, cũng như tích hợp công nghệ vào các quá trình kiểm toán.

Các tổ chức ngày càng coi trọng công tác phát triển nhân sự kiểm toán nội bộ. Điều này được minh chứng bằng xu hướng phát triển nhân sự nội bộ: 23% các KTV kỳ vọng Ban kiểm toán nội bộ của họ sẽ gia tăng nhân sự mới. Hầu hết những người được hỏi đều dự đoán các tổ chức có các Ban kiểm toán nội bộ có dưới 10 kiểm toán viên sẽ phát triển mạnh mẽ hơn. Song, xu hướng sử dụng dịch vụ kiểm toán nội bộ thuê ngoài hoặc đồng kiểm toán nội bộ sẽ vẫn tiếp tục trong năm 2015. Kế hoạch thuê ngoài các hoạt động kiểm toán trong năm 2015 được dự đoán như sau: 64% người được khảo sát cho rằng sẽ tiếp tục thuê ngoài hoặc đồng kiểm toán nội bộ, trong khi đó 20% kỳ vọng sẽ tăng tỷ lệ kiểm toán bên ngoài, 16% còn lại cho rằng sẽ giảm mức độ phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài.

Bản khảo sát cũng chỉ ra rằng quản lý rủi ro do có liên quan đến gian lận, sự thay đổi về công nghệ và pháp luật sẽ vẫn là ưu tiên hàng đầu và là mối quan tâm chính trong tương lai. Việc sử dụng công nghệ ngày càng được lưu tâm hơn đồng thời có xem xét đến những rủi ro công nghệ. Có đến 2/3 các KTV được khảo sát cho biết hiện đang sử dụng các phương pháp phân tích dữ liệu hoặc các công nghệ thông minh cho kiểm toán để tăng cường chức năng của kiểm toán nội bộ. Phân tích dữ liệu có tiềm năng biến đổi cả đơn vị kiểm toán nội bộ cũng như giá trị của kiểm toán nội bộ đối với tổ chức bằng cách hỗ trợ các tổ chức xác định và quản lý rủi ro một cách hiệu quả và kịp thời. IIA đã ghi nhận tầm quan trọng ngày càng lớn của phân tích dữ liệu đối với tương lai của kiểm toán. 76% KTV sử dụng các phương pháp phân tích dữ liệu đạt được các quy trình kiểm toán hiệu quả hơn.

Năm 2014 đã có nhiều thay đổi xét về tính sẵn có của các công nghệ kiểm toán, quản lý rủi ro mới mà hiệu quả về mặt chi phí, có thể sử dụng dễ dàng và nhanh chóng… xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2015. Như vậy, công tác kiểm toán và quản lý rủi ro trong năm 2015 kỳ vọng sẽ đạt được những bước tiến vượt trội theo cách tận dụng các giải pháp công nghệ để đem đến những giá trị và đóng góp lớn hơn cho các tổ chức.

An ninh mạng và bảo mật quyền riêng tư sẽ là ưu tiên chính. An ninh mạng và bảo mật dữ liệu được xem là thách thức hàng đầu về mặt công nghệ và cũng là xu hướng chủ lực, theo đó gia tăng sự tham gia của các Ủy ban kiểm toán vào các hoạt động kiểm toán CNTT. Trong tương lai, các công ty sẽ phải đối diện với những thách thức lớn về nhân sự và nguồn lực kiểm toán CNTT. Các Ủy ban kiểm toán cũng như các tổ chức nói chung có xu hướng tham gia nhiều hơn vào công tác kiểm toán CNTT.

Bình luận về kết quả của cuộc khảo sát, Warren Stippich - một trong những nhà lãnh đạo của Grant Thornton nhận định một cách đầy lạc quan rằng: "Thật tuyệt vời khi có thể nhìn thấy hướng đi của kiểm toán nội bộ. Các kiểm toán nội bộ đang nỗ lực tập trung vào tái cân bằng cách thức thực hiện kiểm toán và đang thực hiện nhiều các cuộc kiểm toán hoạt động hơn. Thật vui mừng khi nhìn thấy khuynh hướng toàn cầu đã hiện hữu trong tư tưởng của các KTV. Nghề nghiệp kiểm toán nội bộ hứa hẹn một bức tranh đầy lạc quan trong tương lai".■

(Theo Tạp chí Audit & Risk)

Tháng ba

Tháng ba
Nụ tầm xuân hé mở
Cỏ may nghiêng ngả chật bờ đê
Nước chảy, sông Cầu em vắng bóng
Thôi nghe câu: "Người ở…đừng về!"

Tháng ba
Con bướm vàng lạc lối
Hoa đào xuân cạn có còn đâu?
Nắng mới hoe, cửa chùa vội khép
Câu giã từ ai hẹn năm sau…

Đào Hanh

Bóng mẹ

Mẹ tôi tóc bạc, da mồi
Thềm quê hiu hắt,
mẹ ngồi nhớ con
Tôi đi chín núi mười non
Vẫn là cái bóng lon ton thuở nào.

Mẹ ngồi bóng chạm trăng sao,
Lung linh bóng mẹ
tạc vào
bóng quê…

Phạm Minh Giang

Lý do

Em hãy ngồi xuống đây đi
Mùa xuân như muốn nói gì cùng em
Đóa hoa đã nở bên thềm
Ngoài kia cỏ đã xanh thêm lâu rồi
Thì dù xuân của riêng tôi
Còn e ấp giấu trong lời cỏ hoa
Sẽ là xuân của đôi ta
Dẫu cho hai đứa có là người dưng.

Nếu không phải tại... mùa xuân
Cớ sao tôi lại ngại ngần trước em?

Trương Trọng Nghĩa